

**PHẬT THUYẾT A DI ĐÀ KINH YẾU
GIẢI**

**佛說阿彌陀經
要解**

Diêu Tần Tam Tạng Pháp Sư Cưu Ma La
Thập dịch kinh

姚秦三藏法師鳩摩羅什譯

Sa-môn Tây Hữ Ngẫu Ích Trí Húc chú
giải vào đời Thanh

清西有沙門蕩益智旭解

**Chuyên ngữ: Bửu Quang Tự độ tử Như
Hòa**

**(theo bản in của Phật Đà Giáo Dục Cơ
Kim Hội năm 2006)**

**Giáo duyệt: Minh Tiến, Huệ Trang, Vạn
Tùng và Đức Phong**

Phật Thuyết A Di Đà Kinh Yếu Giải

佛說阿彌陀經要解

Diêu Tần Tam Tạng Pháp Sư Cưu Ma La
Thập dịch kinh

姚秦三藏法師鳩摩羅什譯

Sa-môn Tây Hữu Ngẫu Ích Trí Húc chú
giải vào đời Thanh

清西有沙門蕩益智旭解

Chuyển ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như
Hòa

(theo bản in của Phật Đà Giáo Dục Cơ
Kim Hội năm 2006)

Giảo duyệt: Minh Tiến, Huệ Trang, Vạn
Tùng và Đức Phong

IV. Chính thức giảng vào nội dung bài kinh:

1. Phần Tự

1.1. Thông Tự.

1.2. Biệt Tự.

2. Phần Chánh Tông

2.1. Trình bày chi tiết sự trang nghiêm nơi y báo và chánh báo của diệu quả để khơi gợi lòng tin.

2.2. Khuyến chúng sanh hãy nên phát nguyện cầu vãng sanh.

2.3. Dạy hãy lập hạnh chấp trì danh hiệu.

3. Phần Lưu Thông

3.1 Phổ Khuyến

3.1.1. Khuyến tín lưu thông.

3.1.2. Khuyến nguyện lưu thông.

3.1.3. khuyến hành lưu thông.

3.2. Kết khuyến.

IV. Giải thích chánh kinh

(Giải: Bước vào phần kinh văn, chia thành ba phần: Một là Tự Phần, hai là Chánh Tông Phần, ba là Lưu Thông Phần. Ba phần này gọi là Sơ Thiện, Trung Thiện, Hậu Thiện. Tự giống như đầu, ngũ quan¹ đầy đủ. Chánh Tông như thân, tạng phủ chẳng thiếu. Lưu Thông như chân tay, đi lại không trở ngại. Vì thế, ngài Trí Giả chú giải kinh Pháp Hoa, coi một phẩm

¹ Ngũ Quan: Thông thường, Ngũ Quan được hiểu là mắt, mũi, tai, miệng, lưỡi.

đầu là Tự Phần, mười một phẩm rưỡi trong phần cuối đều thuộc Lưu Thông Phần. Lại trong một thời, chia thành hai môn Tích và Bốn, đối với mỗi môn đều chia thành ba đoạn, tức là năm phẩm như phẩm Pháp Sư v.v... đều thuộc Lưu Thông Phần của Tích Môn. Bởi lẽ, Tự Phần ắt phải nêu lên cương lĩnh của một bộ kinh, Lưu Thông Phần chính là pháp thí không úng tắc. Quan hệ chẳng nhỏ! Người đời sau chẳng thông hiểu, hễ thấy phần kinh văn nào dính dáng đôi chút nghĩa lý bèn phán định thuộc phần Chánh Tông, đến nỗi Tự Phần và Lưu Thông Phần chỉ còn là khuôn sáo cũ kỹ, đâu đáng được gọi là “những câu nói trong phần đầu cũng tốt lành, những lời nói cuối cùng cũng tốt lành” đó ư?)

4.1. Tự Phần

4.1.1. Thông Tự

(Chánh Kinh: Ta nghe như thế này, một thời đức Phật ngự tại nước Xá Vệ, trong “vườn ông Cấp Cô Độc, cây của Thái Tử Kỳ Đà”.

Giải: Chữ “như thị” nêu bày tín nguyện, “ngã văn” nêu sự thừa, “nhất thời” nêu sự cơ cảm. Chữ “Phật” nói về vị giáo chủ. “Xá Vệ...” chỉ ra chỗ nói kinh. Diệu lý Thật Tướng xưa nay chẳng biến đổi, nên gọi là Như. Nương vào lý Thật Tướng để niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, quyết định chẳng sai, thì gọi là Thị. Thật Tướng chẳng phải là ngã, chẳng phải là vô ngã, nhưng ngài A Nan chẳng bỏ giả danh nên vẫn xưng là Ngã (ta). Căn tai phát sanh ra nhĩ thức, đích thân nghe viên âm, giống như hư không in vào hư không, nên gọi là Văn (nghe). “Thời” không phải là pháp

thật có, do thầy và trò đạo hợp, người nói kể nghe xong xuôi thì gọi là “nhất thời”. Tự giác, giác tha, giác hạnh viên mãn, là bậc đại sư của người và trời thì gọi là Phật. Xá Vệ, cõi này (Trung Hoa) dịch là Văn Vật, là tên một nước² lớn ở Trung Ấn Độ, kinh đô của vua Ba Tư Nặc. Thái Tử của vua Ba Tư Nặc tên là Kỳ Đà, cõi này dịch là Chiến Thắng. Đại thần của vua Ba Tư Nặc tên là Tu Đạt Đa, cõi này dịch là Cấp Cô Độc. Trưởng giả Cấp Cô Độc trải vàng [lót đất] để mua khu vườn của Thái Tử [hòng lập tinh xá] cúng Phật và Tăng. Kỳ Đà cảm động, than thở, bố thí chút đất còn lại chưa kịp lót vàng, nên gọi gộp

² Chữ “nước” ở đây không hẳn là một quốc gia mà phải hiểu gần như là “quận quốc” tức nước phong của vua chư hầu tại Trung Hoa, hoặc các nước nhỏ ở Trung Hoa thời Xuân Thu Chiên Quốc. Xá Vệ vừa là tên của một vương triều lớn (tức vương triều Kiền Tát La - Kasi Kosala) ở Ấn Độ, vừa là tên của đô thành vương triều ấy. Tại Ấn Độ thuở ấy có nhiều vương triều tồn tại, đồng thời, lãnh thổ của mỗi vương triều ấy thường được kinh điển gọi là Quốc, và người thời ấy có thói quen thường đồng nhất tên kinh đô với tên quốc gia. Do vậy, chữ “Xá Vệ Quốc” ở đây nếu nói tỉ mỉ thì là kinh thành Xá Vệ của vương quốc Xá Vệ.

chung [khu vườn ấy] là Kỳ Thọ Cấp Cô Độc viên).

(**Giải:** Thanh Văn được xếp lên đầu [trong hàng thánh chúng nghe pháp] vì mang hình tướng xuất thế, vì là những người thường theo Phật, vì Phật pháp phải nhờ vào Tăng để lưu truyền. Bồ Tát được xếp vào giữa, vì hình tướng bất định, vì chẳng thường theo Phật, vì nhằm biểu thị ý nghĩa Trung Đạo. Trời người được kể sau cùng, vì mang hình tướng thế gian, vì phạm vị thánh phàm xen tạp, vì mang chức trách làm người bảo vệ bên ngoài).

(**Chánh kinh:** Cùng với các vị đại tỳ-kheo một ngàn hai trăm năm mươi người nhóm họp.

Giải: Đại tỳ-kheo là hạng xuất gia thọ Cụ Túc Giới. Tiếng Phạn tỳ-kheo (Bhiksu) gồm ba nghĩa:

1. *Khất Sĩ*: Một bát nuôi thân, không tích cóp gì, chuyên cầu pháp yếu xuất thế.

2. *Phá Ác*: Chánh huệ quán sát, phá ác phiền não, chẳng đọa vào ái kiến.

3. *Bố Ma* (làm cho ma kinh sợ): Phát tâm thọ giới, tác pháp Yết Ma thành tựu, ma liền kinh sợ.

Tăng, gọi đủ là Tăng Già (Sangha), cõi này dịch là Hòa Hợp Chúng. Cùng chứng sự giải thoát vô vi thì gọi là Lý Hòa (hòa hợp về mặt Lý). Thân cùng ở, miệng không tranh cãi, tâm ý cùng vui vẻ, cùng hiểu biết giống như nhau, cùng tu giới như nhau, chia sẻ quyền lợi đồng đều thì gọi là Sự Hòa.

Một ngàn hai trăm năm mươi người là thầy trò ba vị Ca Diếp gồm một ngàn người, thầy trò hai vị Xá Lợi Phất và Mục Liên gồm hai trăm người, nhóm ông Da Xá gồm năm mươi người, đều là những người được độ thoát trước nhất sau khi

Phật thành đạo, cảm kích ân Phật sâu đậm, thường theo hầu).

(Chánh kinh: Đều là đại A La hán, được mọi người hay biết.

Giải: A La Hán cũng gồm ba nghĩa:

- 1. Ứng Cúng: là quả của Khất Sĩ.*
- 2. Sát Tặc: là quả của Phá Ác.*
- 3. Vô Sanh: là quả của Bồ Ma.*

Lại có Huệ Giải Thoát, Câu Giải Thoát, Vô Nghi Giải Thoát, ba thứ khác nhau. Những vị được nói ở đây là Vô Nghi Giải Thoát, nên gọi là Đại. Lại nữa, họ vốn là Pháp Thân đại sĩ, thị hiện làm Thanh Văn để chứng pháp môn Tịnh Độ chẳng thể nghĩ bàn này, nên gọi là Đại. Theo Phật chuyển pháp luân lợi lạc rộng khắp hàng nhân thiên nên được đại chúng nhận biết).

(Chánh kinh: Trưởng lão Xá Lợi Phất, Ma Ha Mục Kiền Liên, Ma Ha Ca Diếp,

Ma Ha Ca Chiên Diên, Ma Ha Câu Hy La, Ly Bà Đa, Châu Ly Bàn Đà Già, Nan Đà, A Nan Đà, La Hầu La, Kiều Phạm Ba Đề, Tân Đầu Lô Phả La Đọa, Ca Lưu Đà Di, Ma Ha Kiếp Tân Na, Bạc Câu La, A Nậu Lâu Đà. Các vị đại đệ tử như thế.

Giải: Đức hạnh và tuổi hạ đều đáng tôn trọng, nên gọi là Trưởng Lão. Tôn giả Thân Tử, trong hàng Thanh Văn, trí huệ bậc nhất. Tôn giả Mục Liên thần thông bậc nhất. Tôn giả Âm Quang thân có ánh sáng vàng ròng, truyền tâm ấn của Phật, là Sơ Tổ [Thiền Tông], hành Đầu Đà bậc nhất. Tôn giả Văn Súc thuộc dòng Bà-la-môn, luận nghị bậc nhất. Tôn giả Đại Tất trả lời câu hỏi bậc nhất. Tôn giả Tinh Tú, không điên đảo, không tán loạn bậc nhất. Tôn giả Kế Đạo do căn cơ chậm lụt, chỉ trì một bài kệ mà biện tài vô tận, nghĩa trì bậc nhất. Tôn giả Hỷ là em ruột đức Phật, nghi dung bậc nhất. Tôn giả Khánh Hỷ là

em họ đức Phật, lại còn là thị giả, đa văn bậc nhất. Tôn giả Phú Chương là Thái Tử của đức Phật, mật hạnh bậc nhất. Tôn giả Ngưu Ty, do đời trước ác khẩu, cảm lấy dư báo này, được chư thiên cúng dường bậc nhất. Tôn giả Bất Động, trụ dài lâu trong thế gian, tiếp nhận cúng dường trong đời Mạt Pháp, là phước điền bậc nhất. Tôn giả Hắc Quang là sứ giả của Phật, giáo hóa bậc nhất. Tôn giả Phòng Tú hiệu tinh tú bậc nhất. Tôn giả Thiện Dung thọ mạng bậc nhất. Tôn giả Vô Bân cũng là em họ của đức Phật, thiên nhân bậc nhất. Các vị Thường Tùy Chúng này vốn là Pháp Thân đại sĩ, thị hiện làm Thanh Văn, nhằm làm người tạo ảnh hưởng. Nay nghe pháp môn Tịnh Độ, giữ lấy công đức, đắc lợi ích Đệ Nhất Nghĩa Tát Đàn, tăng trưởng đạo nghiệp, giảm thiểu sanh tử, tự tịnh cõi Phật, còn gọi là Đương Cơ Chúng).

(Chánh kinh: Và các vị Bồ Tát Ma Hát, Văn Thù Sư Lợi Pháp Vương Tử, A Dật Đa Bồ Tát, Càn Đà Ha Đề Bồ Tát, Thường Tinh Tấn Bồ Tát, cùng với các vị đại Bồ Tát như thế).

(Giải: Bồ Tát Ma Ha Tát, cõi này dịch là Đại Đạo Tâm, là từ ngữ để gọi bậc “thành tựu chúng sanh, vận dụng Bi và Trí, tự lợi, lợi tha”. Phật là Pháp Vương, Văn Thù nối tiếp gia nghiệp của Phật, nên gọi là Pháp Vương Tử. Trong các vị Bồ Tát, Văn Thù trí huệ bậc nhất. Nếu không có Thật Trí dũng mãnh, sẽ chẳng thể chứng giải pháp môn Tịnh Độ, nên xếp Ngài vào đầu [danh sách những vị Bồ Tát]. Ngài Di Lặc trong tương lai sẽ thành Phật, hiện đang ở bậc Đẳng Giác. Do rất ráo nghiêm tịnh cõi Phật là nhiệm vụ cần kíp, nên được nêu tên kế tiếp. Bất Hưu Tức tu hành từ bao kiếp lâu xa,

chẳng tạm nghỉ. Thường Tinh Tấn tự lợi, lợi tha, không mệt mỏi. Những vị Bồ Tát thuộc địa vị sâu xa này đều cầu sanh Tịnh Độ, vì chẳng lìa thấy Phật, vì chẳng lìa nghe pháp, vì chẳng lìa thân cận cúng dường chúng tăng, để có thể mau chóng viên mãn Bồ Đề vậy).

(**Chánh kinh:** Và Thích Đề Hoàn Nhân v.v... vô lượng chư thiên đại chúng cùng nhóm họp.

Giải: Thích Đề Hoàn Nhân, cõi này dịch là Năng Vi Chủ, tức là vua cõi trời Đao Lợi. Chữ “đẳng”: Phía dưới như trời Tứ Vương, phía trên như các tầng trời Dạ Ma, Đâu Suất, Hóa Lạc, Tha Hóa, Sắc, Vô Sắc, vô lượng chư thiên. “Đại chúng câu” nghĩa là mười phương trời, người, tám bộ [trời rồng], Tu La, nhân, phi nhân v.v... không ai chẳng tham dự pháp hội, không ai chẳng là căn cơ được nhiếp thọ

bởi pháp môn Tịnh Độ. Hết phần Thông Tụ)

4.1.2. Biệt Tụ

(**Giải:** Trong phần Phát Khởi Tụ thì pháp môn Tịnh Độ mẫu nhiệm chẳng thể nghĩ bàn, không ai có thể hỏi, đức Phật tự xưng lên danh tự của y báo và chánh báo hồng phát khởi. Lại nữa, Phật trí soi xét căn cơ không sai lầm, thấy đại chúng đáng được nghe pháp môn Tịnh Độ mẫu nhiệm, đạt được bốn thứ lợi ích, nên chẳng đợi hỏi mà tự phát khởi. Giống như trong quyển hạ của kinh Phạm Võng, Ngài tự xưng danh hiệu nơi quả vị như sau: “Ta nay là Lô Xá Na...” Ngài Trí Giả phán định phần kinh văn ấy là Phát Khởi Tụ, cứ dựa theo đó sẽ biết [vì sao tôi

phán định phần này của kinh A Di Đà là Phát Khởi Tự]).

(Chánh kinh: Lúc bấy giờ, Phật bảo trưởng lão Xá Lợi Phất: “Từ đây đi qua phương Tây mười vạn ức cõi Phật, có thế giới tên là Cực Lạc, trong cõi ấy có Phật, hiệu là A Di Đà, nay hiện đang thuyết pháp).

Trong đoạn kinh văn này có ba sự thật:

a. Từ thế giới Sa Bà đi qua Tây Phương, trải qua mười vạn ức cõi Phật, có thế giới Cực Lạc.

b. Trong cõi ấy, quả thật có A Di Đà Phật.

c. A Di Đà Phật hiện đang thuyết pháp nơi đó.

(Giải: Pháp môn Tịnh Độ nhiếp trọn ba căn, dứt bật đối đãi một cách viên dung

chẳng thể nghĩ bàn. Gồm thâu trọn vẹn, nhưng vượt thoát trọn vẹn hết thảy pháp môn, rất sâu, khó tin. Vì thế, đặc biệt nói với bậc đại trí huệ, vì nếu không phải là người trí huệ bậc nhất sẽ chẳng thể nào hiểu được ngay mà không nghi. “Tây Phương” là đi thẳng mãi suốt theo chiều ngang sang phía Tây, [từ ngữ này] nhằm chỉ ra chỗ Phật thị hiện. “Thập vạn ức”: Mười vạn là một ức, nay dồn số ức ấy đến mười vạn ức. “Phật độ” (cõi Phật): Cả tam thiên đại thiên thế giới là khu vực hóa độ của một đức Phật. Hãy lấy cõi này để giảng thì một núi Tu Di, bốn phía Đông, Tây, Nam, Bắc mỗi phía đều có một châu, cùng được một mặt trời, một mặt trăng chiếu, một rặng núi Thiết Vy bao quanh thì gọi là Tứ Thiên Hạ. Một ngàn Tứ Thiên Hạ gọi là một tiểu thiên thế giới. Một ngàn tiểu thiên thế giới là một trung thiên thế giới. Một ngàn trung thiên thế

giới là một đại thiên thế giới. Đi về phương Tây, qua khỏi mười vạn ức cõi Phật như vậy bèn tới thế giới Cực Lạc.

Hỏi: Vì sao Cực Lạc ở phương Tây?

Đáp: Đây chẳng phải là câu hỏi hay ho gì. Giả sử Cực Lạc ở phương Đông, ông lại hỏi vì sao nó ở phương Đông, há chẳng phải là nói giỡn hay sao? Huống chi, nếu nhìn từ mười một vạn ức cõi Phật, Cực Lạc lại thuộc phương Đông mất rồi, có gì đáng để nghi ngờ nữa ư?

“Có thế giới tên là Cực Lạc”: Nêu ra cái tên cõi nước trong y báo. [“Thế” là] theo chiều dọc suốt cả ba đời, nhằm luận về thời kiếp. [“Giới” là] theo chiều ngang thì trọn cả mười phương, nhằm phân định ranh giới. Vì thế gọi là thế giới. “Cực Lạc”: Tiếng Phạn là Tu Ma Đề (Sumatī, Sukhāvātī), còn dịch là An Dưỡng, An Lạc, Thanh Thái v.v... nghĩa là cõi vĩnh viễn là khỏi các khổ, an ổn bậc nhất. Từ ngữ này

sẽ được giải thích chi tiết trong phần sau. Cõi Phật có bốn loại, với mỗi loại đều chia thành tịnh và uế. Phạm Thánh Đồng Cư độ: Ngũ Trược nặng nề là cõi uế, Ngũ Trược nhẹ nhàng là cõi tịnh. Phương Tiện Hữu Dư độ: Dùng phương pháp phân tích cái Không vụng về để chứng nhập thì là uế. Dùng phương pháp thấu hiểu cái Không để khéo léo chứng nhập thì là tịnh. Thật Báo Vô Chướng Ngại độ: Chứng nhập bằng cách tu Tam Quán theo thứ tự là uế, chứng nhập bằng Nhất Tâm Tam Quán là tịnh).

(Giải: Thường Tịch Quang độ, phần chứng là uế, rốt ráo chứng viên mãn là tịnh. “Thế giới Cực Lạc” đang được nói ở đây chính là nói về Đồng Cư Tịnh Độ, mà cũng là cõi Tịnh Độ theo chiều ngang có đủ cả ba cõi Tịnh Độ trên. Câu “có Phật hiệu là A Di Đà” nhằm nêu ra danh hiệu

của vị giáo chủ trong chánh báo, sẽ được giải thích rộng rãi trong tiểu đoạn giảng về sự phiên dịch [danh hiệu vị Phật này] trong phần sau. Phật có ba thân, với mỗi thân đều luận thân đơn và thân kép. Pháp Thân đơn chỉ cho Lý tánh được chứng, Báo Thân đơn chỉ trí huệ, công đức có công năng chứng [Lý tánh ấy], Hóa Thân đơn chỉ các hình tượng, tướng hảo đã được hiện [bởi chân tâm]. Pháp Thân kép gồm Tự Tánh Thanh Tịnh Pháp Thân và Ly Cấu Diệu Cực Pháp Thân. Báo Thân kép gồm Tự Thụ Dụng Báo Thân và Tha Thụ Dụng Báo Thân. Hóa Thân kép gồm Thị Sanh Hóa Thân và Ứng Hiện Hóa Thân. Lại còn có Phật Giới Hóa Thân và Tùy Loại Hóa Thân. Tuy phân biệt ba thân đơn và kép, nhưng thật ra, chúng chẳng phải một, chẳng phải ba, nhưng là ba, là một, chẳng dọc ngang, chẳng cùng tồn tại hay sai khác, lìa lỗi, dứt sai, chẳng

thể nghĩ bàn. Nay nói A Di Đà Phật chính là nói về Thị Sanh Hóa thân của A Di Đà Phật trong cõi Đồng Cư, nhưng thân phức cũng chính là Pháp Thân, cũng chính là Báo Thân. Lại nữa, [trong chánh kinh, đối với] thế giới và Phật đều nói là “có”. [Hai chữ Có ấy] gồm đủ bốn nghĩa (Tứ Tất Đàn):

- Nêu ra cảnh thật khiến [cho người nghe] vui thích, mong cầu.

- Lời thành thật chỉ bày khiến cho [người nghe] chuyên nhất.

- Nhằm phân biệt rõ ràng [cõi Cực Lạc] chẳng phải là thành Càn Thát Bà, hay là bóng nước gợn khi trời nắng gắt, chẳng phải là quyền biến thị hiện hay nói phương tiện nhằm thuận theo căn tánh, chẳng phải là bóng dáng hư vọng của các duyên, chẳng phải là khư khư giữ lấy thiên chân Niết Bàn, phá dẹp ma, tà, quyền, tiểu.

- *Phô bày trọn vẹn tánh vốn trọn đủ, nhằm làm cho [người nghe] chứng nhập sâu xa).*

(Giải: “Nay hiện đang thuyết pháp” nhằm phân định trong hai thứ y báo và chánh báo đã có như đã nói trong phần trên, chẳng phải là trong quá khứ, đã diệt, chẳng phải là trong vị lai còn chưa thành, đúng là [người nghe kinh] rất nên phát nguyện vãng sanh hồng thân cận, nghe pháp, mau thành Chánh Giác. Lại nữa, hai chữ Hữu và chữ “hiện tại” chính là phần Tựa nhằm khuyến tín. “Thế giới tên là Cực Lạc” là phần Tựa khuyên hãy nên phát nguyện. “Phật hiệu A Di Đà”, chính là phần Tựa nhằm khuyên [thực hành] diệu hạnh Trì Danh. Lại nữa, A Di Đà là lời Tựa giới thiệu Phật, chữ “thuyết pháp” là lời Tựa giới thiệu Pháp, hiện tại

hải hội là lời Tựa giới thiệu Tăng. Phật, Pháp, Tăng cùng một Thật Tướng, đó là lời Tựa nói về Thể. Từ đây, khởi lòng tin, phát nguyện, hành trì, là lời Tựa nói về Tông. Tín - Nguyện - Hạnh thành tựu, ắt được vãng sanh, thấy Phật nghe pháp, là lời Tựa nói về Dụng. Chỉ dùng một Phật giới dùng để làm cảnh sở duyên, chẳng xen tạp các sự khác, là lời Tựa nói về Giáo Tướng. Lời lẽ vắn tắt, nhưng ý trọn đủ. Phần thứ nhất là Tựa Phần đã giảng xong³).

(Giải: “Tín, nguyện, trì danh” là tông chỉ trọng yếu của bộ kinh này. Tín và nguyện là Huệ Hạnh, trì danh là Hành Hạnh. Được vãng sanh hay không hoàn toàn là do có tín, nguyện hay không.

³ Đây là lời giảng rất đặc sắc của Ngẫu Ích đại sư: Từ trong một đoạn ngắn, đại sư chỉ rõ Tựa Phần của kinh này giới thiệu trọn đủ ba môn Tín, Nguyện, Hạnh, Tam Bảo (Phật, Pháp, Tăng), có đủ Thể, Tông, Tướng, Dụng, dẫn khởi ba phần Lưu Thông (khuyến tín, khuyến nguyện, khuyến hạnh). Trong các bản chú giải khác, chưa ai chỉ rõ chi tiết như vậy.

Phẩm vị cao hay thấp, hoàn toàn là do trì danh sâu hay cạn. Vì thế, Huệ Hạnh để hướng dẫn, Hành Hạnh là hạnh tu chánh yếu. Giống như mắt và chân cùng vận dụng vậy).

(Chánh kinh: Này Xá Lợi Phát! Cõi kia vì có sao tên là Cực Lạc? Chúng sanh trong cõi ấy không có các nỗi khổ, chỉ hưởng những niềm vui, nên gọi là Cực Lạc.

Giải: Chúng sanh là người thụ dụng. Từ Đẳng Giác trở xuống đều có thể gọi là chúng sanh. Nay ước theo nhân dân để nói, dùng [trạng huống của] hạng hạ hạ để suy ra [tình trạng của] hạng thượng thượng. Cõi Sa Bà khổ và vui xen tạp, thật ra, Khổ là Khổ Khổ, vì [các nỗi khổ] bức não thân tâm. Lạc là Hoại Khổ vì nó chẳng tồn tại lâu dài. Chẳng khổ chẳng

vui là Hành Khổ vì tánh nó đổi dời. Cõi kia vĩnh viễn thoát khỏi ba sự khổ này, chẳng giống như cõi này, lạc là do so với khổ mà nói. Vì thế, cõi ấy tên là Cực Lạc).

(Giải: Phân biệt đại khái thì trong cõi Đông Cư, Ngũ Trục nhẹ, không có phần đoạn sanh tử và tám khổ, chỉ hưởng những điều vui như chẳng bệnh, chẳng già, du hành tự tại, thức ăn trời, áo trời, các vị thượng thiện nhân tụ hội v.v... Trong cõi Phương Tiện, khéo léo quán Thế, không có nỗi khổ vướng mắc, trầm trệ vào không tịch, chỉ hưởng những sự vui như du hý, thần thông v.v... Trong cõi Thật Báo, quán tâm viên mãn, không có sự khổ cách biệt, chẳng dung thông, chỉ hưởng sự vui không chướng ngại chẳng thể nghĩ bàn. Trong cõi Tịch Quang rất rạo bình đẳng, không các nỗi khổ như Pháp Thân rò rỉ, chân thường tuôn chảy,

chỉ hưởng sự vui viên mãn rốt ráo xứng tánh. Nhưng chúng sanh trong cõi Đông Cư do thiện căn trì danh nên phước đức giống như Phật, thanh tịnh trọn vẹn bốn cõi, hưởng trọn vẹn các điều vui. Hơn nữa, Cực Lạc tối thắng chẳng ở trong ba cõi trên mà là trong cõi Đông Cư. Ấy là vì: Trên thì các cõi Đông Cư trong mười phương phải nhường phần đặc biệt thù thắng; dưới thì nếu so sánh với cõi này (tức Sa Bà), [cõi Đông Cư của thế giới Cực Lạc vượt trội mọi mặt]. Do vậy, phàm phu hệ được dự vào đó liền thông dong, vượt khỏi [tam giới] theo chiều ngang để được độ thoát. Đức Phật nói đến khổ và vui là nhằm ý này).

(Chánh kinh: Lại này, Xá Lợi Phát! Cõi nước Cực Lạc bảy tầng lan can, bảy tầng lưới giăng, bảy tầng hàng cây, đều

bằng bảy báu vây quanh trọn khắp. Vì thế, cõi ấy tên là Cực Lạc).

(Giải: “Thất trùng” biểu thị bảy khoa đạo phạm, “tứ bảo” biểu thị bốn đức Thường, Lạc, Ngã, Tịnh. “Châu táp nhiều”: Vô lượng trụ xứ của Phật, Bồ Tát v.v... đều bằng bốn báu, ấy là công đức của chính mình sâu xa, “châu táp vi nhiều” nghĩa là những vị hiền thánh khác đều trọn khắp, đây chính là nhân duyên thật sự của cõi Cực Lạc vậy).

(Giải: Có những sự trang nghiêm như thế là vì cõi Đông Cự do thiện nghiệp tăng thượng cảm thành, mà cũng do Ngũ Phạm Quán trong Viên Giáo cảm thành, [cõi Đông Cự] lấy Ngũ Trần⁴ thù thắng nhiệm mầu do duyên sanh làm Thế).

⁴ Ngũ Trần (còn gọi là Ngũ Cảnh) là năm trần đầu trong Lục Trần, tức Sắc, Thanh, Hương, Vị, Xúc.

(**Giải:** *Phương Tiện Tịnh Độ* chính là do Không Quán Trí cảm thành, mà cũng do Tương Tự Tam Quán cảm thành. Dùng vô lậu Ngũ Trần trong Chân Đế màu nhiệm để làm Thế).

(**Giải:** *Thật Báo Tịnh Độ* do Giả Quán Trí màu nhiệm cảm thành, mà cũng do Phần Chứng Tam Quán cảm thành, lấy vô tận Ngũ Trần trong Tục Đế màu nhiệm làm Thế).

(**Giải:** *Cõi Thường Tịch Quang* do Trung Quán Trí cảm nên, mà cũng do Cứu Cánh Tam Quán cảm nên, dùng Ngũ Trần xưng tánh trong Trung Đế màu nhiệm làm Thế).

(**Giải:** *Muốn cho [người đọc] dễ hiểu, nên phân biệt như vậy. Thật ra, sự trang*

nghiêm trong bốn cõi không gì chẳng phải là pháp do nhân duyên sanh, không gì chẳng chính là Không, Giả, Trung. Do vậy, tịnh cảnh trong cõi Đồng Cư của Cực Lạc là Chân và Tục viên dung chẳng thể hạn lượng. Những [lời giải thích trong những] phần dưới đều phỏng theo [cách luận định] ở đây).

(Giải: Hỏi: - Tịch Quang chỉ là lý tánh, sao lại có những thứ trang nghiêm ấy?

Đáp: - Trong mỗi một thứ trang nghiêm, toàn bộ cái Thể của nó là lý tánh. Mỗi một lý tánh có đầy đủ sự trang nghiêm thì mới là y báo rốt ráo nơi quả vị của chư Phật. Nếu cõi Tịch Quang chẳng trọn đủ Ngũ Trần thù thắng nhiệm màu thì có khác gì Thiên Chân Pháp Tánh?)

(Chánh kinh: Lại này Xá Lợi Phất! Cõi nước Cực Lạc có ao bằng bảy báu, nước

tám công đức chứa đầy trong ấy. Đáy ao thuần dùng cát vàng trải đất, bạc lên, lối đi ở bốn phía đều do vàng, bạc, lưu ly, pha lê hợp thành. Phía trên có lầu, gác, cũng dùng vàng, bạc, lưu ly, pha lê, xa cừ, xích châu, mã não để trang hoàng. Hoa sen trong ao to như bánh xe, hoa màu xanh tỏa ánh sáng xanh, hoa màu vàng tỏa ánh sáng vàng, hoa màu đỏ tỏa ánh sáng đỏ, hoa màu trắng tỏa ánh sáng trắng, vi diệu, thơm, sạch.

Giải: Đoạn trên nói về chỗ ở, đoạn này nói về chỗ [hành nhân vãng sanh Tịnh Độ sẽ] sanh ra. Ao báu bằng vàng, bạc v.v... hợp thành, chẳng giống như phương này ao bằng đất, đá. Nước tám công đức là:

1. Trong lắng, khác với nước phương này vẫn đục, dơ bẩn.

2. Trong mát, khác với nước phương này nóng, lạnh.

3. Ngọt ngào, khác với nước phương này mặn, nhạt, hoặc có vị hèn tệ.

4. Mềm nhẹ, khác với nước phương này thô nặng.

5. Tươi nhuận, khác với nước phương này thối rữa, màu sắc bệch bạc.

6. An hòa, khác với nước phương này chảy xiết dữ dội.

7. Trừ đói khát, khác với nước phương này [khiến người uống vào hay đụng đến] phát rét.

8. Tăng trưởng các căn, khác với nước phương này tổn hoại các căn và tăng thêm những bệnh dịch dữ dội, chết chìm v.v...

“Đầy ắp trong ấy”: Khác với nước phương này hoặc khô cạn, hoặc tràn ngập.

“Đáy ao thuần là cát bằng vàng” khác với phương này đáy ao là bùn lầy).

(**Giải:** Bạc lên, lối đi bằng bốn báu nhằm phân biệt khác [với cõi này, bạc lên,

lối đi] bằng gạch, đá. Có tầng bậc gọi là Giai, đường bằng phẳng gọi là Đạo. Nhà nhiều tầng là Lâu, lầu cao là Các. Lầu gác bằng bảy báu, khác với phương này, lầu các được dựng bằng đất, gỗ, sơn màu xanh đỏ. Lầu gác là chỗ ở và nơi cử hành pháp hội. Nhưng hễ được sanh vào ao báu, thì khi búp sen nở, liền có thể lên bốn bờ, vào pháp hội, thấy Phật, nghe pháp. Hoa sen to như bánh xe: Kim luân của Chuyển Luân thánh vương to bốn mươi dặm. Hơn nữa, ở đây chỉ nêu ra hoa nhỏ nhất. Nếu căn cứ theo Quán Kinh và pháp hội Vô Lượng Thọ [trong kinh Đại Bảo Tích] thì hoa sen lớn hay nhỏ thật sự chẳng thể lường được, vì thân tướng [của những người] trong cõi Đồng Cư khác nhau. Hoa sen màu xanh gọi là Ưu Bát La (Utpala), hoa màu vàng gọi là Câu Vật Đầu (Kumuda), hoa đỏ gọi là Bát Đầu Ma (Padma), hoa trắng gọi là Phân Đà Lợi

(Pundarīka). Do thân của người sanh về đó có quang minh nên búp sen cũng có quang minh. Nhưng hoa sen trong Cực Lạc màu sắc và quang minh vô lượng, ở đây cũng chỉ là nói đại lược mà thôi. “Vi diệu hương khiết” là từ ngữ khen ngợi đại lược bốn đức của hoa sen. Có chất mà không có hình thì gọi là Vi. Vô ngại là Diệu. Không có hình thì không có trần, nên là Khiết. Búp sen như thế thì thân của người được vãng sanh [cứ suy theo đó] sẽ có thể biết được).

(**Chánh kinh:** Này Xá Lợi Phất, cõi nước Cực Lạc thành tựu công đức trang nghiêm như thế đấy.

Giải: Câu này nói rõ các thứ trang nghiêm nơi chỗ ở và chỗ sanh về đều được thành tựu bởi đại nguyện, đại hạnh và công đức xưng tán của A Di Đà Phật. Vì thế, có thể trang nghiêm trọn khắp bốn

thứ Tịnh Độ, có thể nhiếp khắp hết thầy phàm thánh trong mười phương thế giới vãng sanh. Lại nữa, Phật dùng đại nguyện để làm cái nhân nhiều thiện căn cho chúng sanh, dùng đại hạnh để làm cái nhân lắm phước đức cho chúng sanh, khiến những kẻ tín nguyện trì danh trong mỗi niệm thành tựu công đức như thế, [những công đức như thế] đều là đã thành, chứ không phải là trong hiện tại hay tương lai mới thành).

(**Giải:** Đây chính là dùng các thứ trang nghiêm của A Di Đà Phật để làm bản chất tăng thượng nhằm dẫn khởi những thứ trang nghiêm trong tự tâm của chúng sanh. Toàn thể Phật chính là chúng sanh, toàn thể Tha chính là Tự. Vì thế, nói: “Thành tựu công đức trang nghiêm như thế đấy”).

(Chánh kinh: Lại này Xá Lợi Phất! Cõi nước Phật ấy thường tấu nhạc trời, vàng ròng làm đất. Ngày đêm sáu thời tuôn mưa hoa Mạn Đà La. Chúng sanh cõi ấy, thường vào sáng sớm, ai nấy dùng lẵng đựng hoa, đựng các hoa đẹp, cúng dường mười vạn ức Phật ở phương khác. Liên trong khoảng bữa ăn, trở về nước mình, dùng cơm xong đi kinh hành)

(Giải: Nhạc là Thanh Trần, đất là Sắc Trần, hoa là hai trần Sắc và Hương. Thức ăn là Vị Trần. Đựng hoa, rải hoa, kinh hành là Xúc Trần. Ta có thể nhận biết đây là kinh văn đem Ngũ Căn của chúng sanh đối ứng Ngũ Trần. “Thường tấu” là suốt cả sáu thời. “Vàng ròng làm đất” là cõi đất được trang nghiêm bằng bảy báu, Thế là vàng ròng. Ngày chia thành sơ, trung, hậu, gọi là ngày ba thời. Đêm chia thành sơ, trung, hậu, gọi là đêm ba thời. Vì thế,

nói: “Ngày đêm sáu thời”. Nhưng y báo và chánh báo trong cõi ấy mỗi thứ đều có quang minh, chẳng cần đến mặt trời, mặt trăng, há chia thành ngày đêm? Chỉ thuận theo phương này mà giả nói có phân chia thời hạn vậy)

(**Giải:** Mạn Đà La, cõi này dịch là Thích Ý, còn dịch là Bạch Hoa. “Y kích” là dụng cụ đẽng hoa. “Chúng diệu hoa” chỉ rõ chẳng phải chỉ có một loại hoa Mạn Đà La. Hãy nên hiểu là bốn loại hoa như trong kinh Diệu Pháp Liên Hoa, nhằm biểu thị bốn địa vị tu nhân⁵. “Cúng dường Phật ở phương khác” biểu thị do

⁵ Pháp sư Viên Anh giảng câu này như sau: “Kinh Pháp Hoa chép ‘trời mưa xuống Mạn Đà La Hoa, Ma Ha Mạn Đà La Hoa, Mạn Thù Sa Hoa (Nhu Nhuyễn Hoa), Ma Ha Mạn Thù Sa Hoa’. Dùng bốn loại hoa này để cúng dường các vị Phật nơi phương khác, nhằm biểu thị do cái nhân chân thật có thể tiến đến Phật quả, quả đức không gì chẳng trọn khắp. Các địa vị Bồ Tát Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng, Thập Địa phá vô minh, thấy Pháp Thân, đấy chính là chân nhân. Niệm niệm tiến hướng Phật quả Diệu Giác, quả đức trọn khắp mười phương nên nói cúng dường tha phương thập vạn ức Phật”. Theo lời giải thích này thì “bốn địa vị tu nhân” như ngài Ngẫu Ích đã nói trong đoạn văn này chính là Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng và Thập Địa.

nhân chân thật sẽ tiến đến quả cùng tốt, quả đức không gì chẳng trọn khắp. Hơn nữa, dựa theo Sa Bà mà nói mười vạn ức Phật, nhằm nêu rõ ý: Đã sanh về Cực Lạc, trở về cúng dường Thích Ca, Di Lạc đều chẳng khó khăn gì! Nếu được thần lực của A Di Đà Phật gia bị thì xa cách mấy mà chẳng đến được ư?)

(**Giải:** “Thực thời” chính là lúc sáng sớm, nên nói “tức dĩ” (liền ngay), chỉ rõ Thần Túc chẳng thể nghĩ bàn. Chẳng lìa cõi ấy mà thường trọn khắp mười phương, chẳng mất thời gian quay trở lại. Đoạn văn này nêu rõ một thanh, một trần, một sát-na, thậm chí cất bước, khảy ngón tay trong cõi Cực Lạc đều cùng với mười phương Tam Bảo quán triệt vô ngại. Lại còn, chỉ rõ: Trong Sa Bà, trước nặng, ác chướng, chẳng cách ngăn Cực Lạc mà thành ngăn cách. Sanh về Cực Lạc, công

đức rất sâu, tuy cách ngăn Sa Bà mà chẳng hề ngăn cách).

Trong sáu thứ thần thông, có một thứ gọi là Thần Túc Thông. “Thần” (神) là thần kỳ chẳng thể lường, chẳng thể suy nghĩ được. “Túc” (足) là viên mãn, biểu thị biến hóa tự tại. Truyện Tây Du Ký nói Tôn Ngộ Không có bảy mươi hai phép biến hóa, đây chính là thần thông. Người sanh về Tây Phương nghe kinh, nghe pháp trong giảng đường của A Di Đà Phật, đồng thời phân thân đến khắp các cõi Phật trong mười phương để cúng Phật, độ chúng sanh, đi về tự tại. Phân thân đến mười phương thế giới, ở lại đó một thời gian tùy theo duyên của chúng sanh. Hết thấy chúng sanh sanh về Tây Phương đều viên mãn đầy đủ sáu thứ thần thông, đều cùng mười phương Tam Bảo quán triệt vô

ngại, một thanh, một trần, một sát-na, cho đến trong một động tác nhỏ nhất trong khoảng thời gian khảy ngón tay trong cuộc sống thường nhật, tùy tiện lấy một pháp nào cũng là toàn thể pháp giới. Do vậy, mười phương ba đời hết thảy chư Phật Như Lai không ngừng hướng về hành giả nói pháp là chuyện có thể xảy ra; bởi lẽ, hết thảy vô ngại. Như trong kinh Đại Thừa có nói “*trong một đầu lông chuyển đại pháp luân, không có mấy may chướng ngại nào*”. Kinh Hoa Nghiêm bảo “*một chính là nhiều, nhiều chính là một. Một và nhiều viên dung, tự tại vô ngại*”.

“*Hựu hiển tại Sa Bà, tắc trực trọng ác chướng, dĩ Cực Lạc bất cách nhi cách*” (Lại nữa, hiển thị trong cõi Sa Bà, do trực nặng, ác chướng, chẳng cách ngăn Cực Lạc mà thành ngăn cách). Thế giới này của chúng ta ô nhiễm rất nặng, các nhà khoa học đã đưa ra lời cảnh cáo: Nếu

chẳng cấp tốc giảm thiểu sự ô nhiễm môi trường, năm mươi năm sau, quả địa cầu sẽ chẳng thích hợp cho con người sống nữa. Có thể đạt được hiệu quả hay không, tôi cảm thấy hết sức khó khăn. Nhà Phật nói: “*Y báo chuyển theo chánh báo*”. Y báo là hoàn cảnh, chánh báo là lòng người. Trong tâm chúng ta bị ô nhiễm còn nghiêm trọng hơn hoàn cảnh bị ô nhiễm. Do tư tưởng, kiến giải của chúng ta sai lầm mà dẫn đến những hành vi sai lầm. Muốn cầu xã hội an định, ắt phải dốc sức tịnh hóa lòng người. Trong giai đoạn hiện thời này, hết sức khó khăn. Người tạo Thập Ác trong xã hội rất nhiều. Trước kia, tạo Thập Ác còn có tâm hổ thẹn, hiện thời lại coi đó như một hiện tượng bình thường! Do thế giới Sa Bà có những thứ trược nặng, ác chướng ấy, cho nên xa cách Cực Lạc; hai thế giới chẳng ngăn cách mà thành ngăn cách!

Trong các bộ Cao Tăng Truyện và Cư Sĩ Truyện của Trung Quốc, có không ít người đã được chứng kiến [cảnh giới của thánh nhân], như câu chuyện thiền sư Pháp Chiếu của Tịnh Độ Tông đến Đại Thánh Trúc Lâm Tự ở Ngũ Đài Sơn, thấy Văn Thù Bồ Tát mà tôi đã nhắc đến trong phần Huyền Nghĩa. Sau khi Bồ Tát thuyết pháp xong, Sư hướng về Văn Thù Bồ Tát thưa hỏi: “Trong thời kỳ Mạt Pháp, chúng sanh tu pháp nào thì thích hợp?” Văn Thù Bồ Tát bảo: “Tu pháp Ngũ Hội Niệm Phật là thích hợp nhất”. Văn Thù Bồ Tát còn niệm mấy câu cho Sư nghe. Ngài Pháp Chiếu vốn học Thiền, qua cuộc kỳ ngộ ấy, bèn chuyên tu Tịnh Độ. Về sau, Ngài trở thành tổ sư đời thứ tư của Tịnh Độ Tông.

Thế giới này của chúng ta là cõi Phàm Thánh Đồng Cư. Ngài Văn Thù là thánh nhân, chúng ta không thấy được; tuy không ngăn cách với chúng ta mà thành

ngăn cách. Trong Cao Tăng Truyện, những tình huống giống như vậy rất nhiều. Lại như trong Tam Muội Thủy Sâm, quốc sư Ngô Đạt gặp tôn giả Ca Nặc Ca, cũng như hoa Đàm thoáng hiện.

(Giải) “Phạn thực kinh hành” giả, niệm thực, thực chí, bất giả an bài. Thực tất, bát khứ, bát lao cử thức. Dẫn kinh hành kim địa, hoa nhạc ngu lạc, nhậm vận tấn tu nhi dĩ.

(解) 飯食經行者。念食食至。不假安排。食畢鉢去。不勞舉拭。但經行金地。華樂娛樂。任運進修而已。

(Giải: “Phạn thực kinh hành” là nghĩ tới ăn, đồ ăn hiện tới, chẳng mất công xếp đặt. Ăn xong, bát biến mất, chẳng mất công lau, cất. Chỉ kinh hành trên đất vàng,

vui hưởng hoa, âm nhạc, tùy ý tấn tu mà thôi)

(Chánh kinh: Này Xá Lợi Phát! Cõi nước Cực Lạc thành tựu công đức trang nghiêm như thế đấy)

(Chánh kinh: Lại này, Xá Lợi Phát! Cõi ấy thường có các loài chim nhiều màu, kỳ diệu như bạch hạc, chim công, chim vẹt, xá-lợi, ca-lăng-tần-già, cộng mạng. Những con chim ấy ngày đêm sáu thời hót tiếng hòa nhã. Tiếng hót ấy diễn nói thông suốt Ngũ Căn, Ngũ Lực, Thất Bồ Đề Phần, Bát Thánh Đạo Phần... những pháp giống như vậy. Chúng sanh cõi ấy nghe tiếng ấy rồi, thấy đều niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng)

(Giải: “Chúng chúng kỳ diệu tạp sắc” ý nói [các loài chim trong cõi Cực Lạc] đã

nhieu còn đẹp. Tiếp đó, kinh nêu đại lược sáu loại. Xá-lợi, thời cổ dịch là Thu Lộ, Kỳ thiên sư nói nó chính là chim Xuân Oanh, chắc có lẽ là đúng. Ca-lăng-tần-già, cõi này dịch là Diệu Âm. Chim này khi chưa ra khỏi vỏ trứng, tiếng hót của nó đã vượt trội các loài chim khác. Cộng Mạng là chim có hai đầu một thân, mỗi đầu có thần thức khác biệt, nhưng có chung một báo thân. Hai loại chim này có ở những nơi như Tuyết Sơn v.v... bên Tây Vực. Đều là mượn tên những loài chim được yêu thích, tán thưởng trong cõi này để tạm mô tả [những loài chim trong cõi Cực Lạc] mà thôi. [Do kinh chép] “sáu thời vang tiếng hót” nên biết là trong Tịnh Độ chẳng coi chim đậu là đê⁶; ấy là vì thân

⁶ Đây chính là lời phân bác những cách diễn giải sai lạc lời tán thán cõi Cực Lạc của pháp sư Khuy Cơ trong bộ Phật Thuyết A Di Đà Kinh Thông Tán Sớ. Trong bộ sách ấy, pháp sư Khuy Cơ đã viết như sau: “*Hoa khai kim phổ, hóa sanh vi thiên thụ chi tình. Điều the quỳnh lâm, Bồ Tát tác thời hôn chi tướng*” (Hoa nở đất vàng, kẻ hóa sanh còn mang ý niệm trời vừa rạng sáng. Chim đậu rừng quỳnh, Bồ Tát ngộ là trời đã tối). Ở đây, pháp sư Khuy Cơ không hề giải thích khi hoa khép, chim đậu là trời tối, mà chỉ nhằm nói lên một sự kiện: Những người vãng sanh trong cõi Đồng Cư

sanh từ hoa sen sanh ra, vốn chẳng có buồn ngủ, nên đêm chẳng cần ngủ. Ngũ Căn v.v... là nói về ba mươi bảy đạo phẩm, nghĩa là: Tứ Niệm Xứ gồm một là Thân Niệm Xứ, hai là Thọ Niệm Xứ, ba là Tâm Niệm Xứ, bốn là Pháp Niệm Xứ).

(Giải: Tứ Chánh Căn: 1. Pháp ác đã sanh khiến đoạn. 2. Pháp ác chưa sanh làm cho chẳng sanh. 3. Pháp thiện chưa sanh khiến sanh. 4. Pháp thiện đã sanh khiến cho tăng trưởng. Tứ Như Ý Túc: 1. Dục Như Ý Túc. 2. Tinh Tấn Như Ý Túc. 3. Tâm Như Ý Túc. 4. Tư Duy Như Ý Túc)

(Giải: Ngũ Căn: Tin vào chánh đạo và pháp trợ đạo, gọi là Tín Căn. Hành chánh đạo và các thiện pháp trợ đạo, siêng cầu chẳng nghỉ, gọi là Tinh Tấn Căn. Niệm

Tịnh Độ, do đời nghiệp vãng sanh, còn mang nhiều tình kiến nên có những ý niệm sáng tối, chứ thật ra cõi Cực Lạc không hề có sáng hay tối, ngày hay đêm v.v...

chánh đạo và các thiện pháp trợ đạo, trọn không có niệm nào khác, gọi là Niệm Căn. Nhiếp tâm nơi chánh đạo và các thiện pháp trợ đạo, tương ứng, chẳng tán loạn, gọi là Định Căn. Vì chánh đạo và các thiện pháp trợ đạo mà quán Tứ Đế như Khổ v.v... thì gọi là Huệ Căn)

(**Giải:** Ngũ Lực: Tín Căn tăng trưởng có thể phá nghi hoặc, phá các tà tín và phá phiền não, gọi là Tín Lực)

(**Giải:** Tinh Tấn Căn tăng trưởng, phá các thứ biếng nhác nơi thân tâm, hoàn thành đại sự xuất thế, gọi là Tinh Tấn Lực).

(**Giải:** Niệm Căn tăng trưởng, phá các tà niệm, thành tựu hết thảy công đức chánh niệm xuất thế, gọi là Niệm Lực)

(**Giải:** Định Căn tăng trưởng, phá được loạn tưởng, phát khởi các Sự Lý Thiên Định, gọi là Định Lực).

(**Giải:** Huệ Căn tăng trưởng, có thể ngăn chặn các Hoặc chung và riêng, phát khởi vô lậu chân thật, gọi là Huệ Lực)

(**Giải:** Thất Bồ Đề Phần còn gọi là Thất Giác Phần. Khi dùng trí huệ quán các pháp, có thể khéo phân biệt chân và ngụy, chẳng làm lẫn giữ lấy pháp hư ngụy thì gọi là Trạch Pháp Giác Phần).

(**Giải:** Khi tinh tấn tu các pháp đạo, có thể khéo hiểu rõ, chẳng làm lạc hành các khổ hạnh vô ích, thường dốc lòng siêng năng hành pháp chân thật thì gọi là Tinh Tấn Giác Phần).

(**Giải:** Nếu tâm đắc pháp hỷ, khéo có thể hiểu rõ niềm vui này, chẳng vui theo những pháp điên đảo, trụ trong chân pháp hỷ, thì gọi là Hỷ Giác Phần)

(**Giải:** Nếu khi đoạn trừ các kiến phiền não, khéo có thể giác ngộ, trừ các hư nguy, chẳng tổn hoại thiện căn chân chánh thì gọi là Trừ Giác Phần)

(**Giải:** Nếu buông bỏ sự chấp trước vào cảnh trong khi thấy nghĩ, khéo có thể hiểu rõ cảnh bị bỏ là hư nguy, chẳng thật, vĩnh viễn chẳng theo đuổi, nhớ tưởng chúng thì gọi là Xả Giác Phần)

(**Giải:** Nếu lúc phát khởi các Thiên Định mà khéo có thể hiểu rõ các môn Thiên là hư giả, chẳng sanh ái kiến, vọng tưởng, thì gọi là Định Giác Phần)

(**Giải:** Nếu khi tu đạo xuất thế, khéo có thể hiểu rõ, thường khiến cho Định và Huệ cân bằng. Nếu tâm chìm đắm, hãy nên nghĩ dùng ba thứ Giác Phần là Trạch Pháp, Tinh Tấn và Hỷ để dấy lên sự quán sát. Nếu tâm phập phều, chao động, hãy nên nghĩ dùng ba môn Giác Phần là Trì, Xả và Định để nhiếp trì cái tâm, điều hòa cho thích hợp, thì gọi là Niệm Giác Phần)

(**Giải:** Bát Thánh Đạo Phần còn gọi là Bát Chánh Đạo Phần. Tu vô lậu hạnh quán, thấy Tứ Đế rành mạch, thì gọi là Chánh Kiến)

(**Giải:** Dùng tâm vô lậu để tư duy tương ứng, dấy khởi sự hay biết, tính toán, so sánh, nhằm tăng trưởng, nhập đại Niết Bàn, thì gọi là Chánh Tư Duy).

(**Giải:** Dùng vô lậu huệ trừ bốn thứ tà mạng, giữ gìn các khẩu nghiệp, luôn nói hết thấy lời lẽ chân chánh thì gọi là Chánh Ngữ).

(**Giải:** Dùng vô lậu huệ để trừ hết thấy tà nghiệp nơi thân, trụ trong thân nghiệp thanh tịnh chân chánh thì gọi là Chánh Nghiệp).

(**Giải:** Dùng vô lậu huệ trừ trọn năm thứ tà mạng nơi ba nghiệp, trụ trong chánh mạng thanh tịnh, thì gọi là Chánh Mạng).

(**Giải:** Do tương ứng với vô lậu huệ mà siêng năng tinh tấn, tu Niết Bàn đạo, thì gọi là Chánh Tinh Tấn).

(**Giải:** Do tương ứng với vô lậu huệ nên niệm chánh đạo và pháp trợ đạo thì gọi là Chánh Niệm)

(**Giải:** Do tương ứng với vô lậu huệ nên nhập Định thì gọi là Chánh Định)

(**Giải:** Những đạo phẩm này, nương theo Sanh Diệt Tứ Đế mà tu thì là Đạo Phẩm trong Tạng Giáo; nương theo Vô Sanh Tứ Đế mà tu thì là Đạo Phẩm trong Thông Giáo; nương theo Vô Lượng Tứ Đế mà tu chính là Đạo Phẩm trong Biệt Giáo; nương theo Vô Tác Tứ Đế để tu thì là Đạo Phẩm trong Viên Giáo).

(**Giải:** Đạo phẩm của Tạng Giáo gọi là bán tự pháp môn. Trong Tịnh Độ trước ác nhẹ nhàng, nên hầu như không cần phải dùng đến, nhưng vì người căn cơ Tiểu Thừa đã quen nghe từ trước nên tạm dùng

đến. Đạo phẩm của Thông Giáo, gọi là Đại Thừa sơ môn, ba thừa cùng vâng nhận, trong Đồng Cư Tịnh Độ thường nói nhiều về đạo phẩm này. Đạo phẩm của Biệt Giáo, gọi là pháp dành riêng cho Bồ Tát, được nói nhiều trong hai cõi Tịnh Độ Đồng Cư và Phương Tiện. Đạo phẩm của Viên Giáo, gọi là Phật pháp vô thượng, kẻ có lợi căn ở trong bốn cõi ấy sẽ đều được nghe nói tới).

(**Giải:** “Những pháp giống như vậy” nghĩa là những pháp giống như Tứ Niệm Xứ, Tứ Chánh Cần, Tứ Như Ý Túc trong phần trước và những pháp khác như Tứ Nhiếp, Lục Độ, Thập Lực, Vô Úy, vô lượng pháp môn).

(**Giải:** Ba mươi bảy phẩm tuy bao gồm trọn hết các pháp, nhưng do cơ duyên khác nhau mà có các thứ mở rộng, hay tóm gọn, danh nghĩa khác nhau, tùy theo ý muốn của người nghe, không gì chẳng diễn nói thông suốt. Vì thế, có thể làm cho người nghe nghĩ nhớ Tam Bảo, phát Bồ Đề tâm, khuất phục, diệt trừ phiền não).

(**Giải:** Thấy rõ ràng ràng oai đức từ bi chẳng thể nghĩ bàn, vì thế niệm Phật. Tâm sanh pháp hỷ, pháp vị tràn ngập, vì thế niệm Pháp. Cùng nghe, cùng tiếp nhận, nhất tâm tu chứng, vì thế niệm Tăng. Năng niệm là Tam Quán. Sở niệm là Tam Bảo, tuy có tướng sai khác, nhưng là cùng một Thể, và mang ý nghĩa bốn phương pháp giáo hóa. Tam Đế có quyền biến hay thật pháp khác nhau, hãy nên dựa theo sự phân định về đạo phẩm trong phần trước để hiểu điều này).

(Chánh kinh: *Này Xá Lợi Phất! Ông đừng nói những con chim ấy là do tội báo mà sanh ra. Vì có sao vậy? Cõi nước Phật ấy không có ba đường ác. Này Xá Lợi Phất! Cõi nước Phật ấy còn không có danh từ ba đường ác, huống là có thật! Các loài chim ấy là do A Di Đà Phật muốn cho pháp âm được lan truyền rộng khắp mà biến hóa ra).*

(Giải: *Lời Phật gạn hỏi và lời Ngài tự giải thích dễ hiểu.*

Hỏi: *Những danh từ như bạch hạc v.v... chẳng phải là danh xưng trong ác đạo ư?*

Đáp: *Đã không có tội báo thì mỗi một danh tự đều nói lên công đức rất ráo của Như Lai. Đã nói là rất ráo thì những danh tự như bạch hạc v.v... không gì chẳng phải mỹ hiệu của tánh đức, há có phải là ác danh vậy thay!*

Hỏi: [A Di Đà Phật] hóa ra các loài chim có ý nghĩa như thế nào?

Đáp: Có nhân duyên của Tứ Tất Đàn. Phàm tình⁷ ưa thích những loài chim ấy nên thuận theo lòng chúng sanh ưa thích mà hóa ra, khiến cho [chúng sanh trong cõi Cực Lạc] hoan hỷ. Chim còn có thể thuyết pháp, khiến cho người nghe sanh điều thiện, sẽ chẳng khởi ý niệm coi những con chim ấy là kém hèn, nhằm đối trị cái tâm phân biệt. Chim chính là Di Đà, khiến cho [chúng sanh trong cõi Cực Lạc] ngộ Pháp Thân bình đẳng, không gì chẳng đầy đủ, không gì chẳng tạo. Trong đoạn này chỉ rõ: Âm thanh của gió nhẹ, cây cối, lưới báu v.v... và hết thảy y báo, chánh báo là “giả thật”, bản thể của chúng là A Di Đà Phật. Ba thân, bốn đức, chẳng sai biệt mảy may).

⁷ Phàm tình: Tình thức, tình cảm của phàm phu.

(Chánh kinh: Này Xá Lợi Phát! Cõi nước Phật, gió nhẹ thổi động các hàng cây báu và màn lưới báu, phát ra âm thanh vi diệu, ví như trăm ngàn loại nhạc cùng lúc tấu lên. Kẻ nghe âm thanh ấy tự nhiên đều sanh tâm niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng.

Giải: Hữu tình và vô tình cùng tuyên diệu pháp, [diệu pháp ấy chính là ba mươi bảy] đạo phẩm của tứ giáo [Tạng, Thông, Biệt, Viên], vô lượng pháp môn, cùng lúc diễn nói, tùy theo từng loài, loài nào cũng hiểu, khiến cho người nghe niệm Tam Bảo. Niệm Tam Bảo là do [bốn môn] Tất Đàn mà được lợi ích. Phàm phu vừa nghe những pháp ấy, khắp thân rung động, là lợi ích hoan hỷ. Được tiếp xúc với khí phận⁸ Tam Bảo, ắt có thể phát Bồ Đề tâm,

⁸ “Khí phận”: Theo nghĩa gốc, khí phận là giới hạn giữa người và vật. Đây là nghĩa được dùng đầu tiên trong sách Không Tử Gia Ngữ. Về sau, chữ này được dùng với nghĩa rộng hơn, có nghĩa là “tiếp nhận khí chất, bản tánh của một hạng người nào đó”, như trong bài Pháp Vân Tự Lễ Bái Thạch Ký, Tô Thức đã viết: “Văn ngã Phật tu đạo thời, sô nê sào đĩnh, chiêm Phật khí phận, hậu giai thọ báo” (Nghe nói khi

là lợi ích “sinh ra điều lành”. Do vậy, chế phục, diệt trừ phiền não, đây là lợi ích “phá ác”. Ngộ chứng Nhất Thế Tam Bảo là lợi ích “nhập Lý”. Phần giảng riêng thứ nhất [tức phần giảng về sự trang nghiêm nơi y báo] đã xong).

(Chánh kinh: Này Xá Lợi Phát! Cõi nước Phật ấy thành tựu công đức trang nghiêm như thế đó.

Giải: Nhiều phen kết lại lời dạy, nhằm làm cho [người nghe kinh] tin tưởng sâu xa rằng hết thảy các sự trang nghiêm đều là do nguyện hạnh của đấng Đạo Sư tạo thành, do Chủng Trí hiện ra, đều là do tịnh nghiệp của chúng ta chiêu cảm. Chỉ do Thức biến, tâm Phật và tâm chúng sanh làm bản chất và hình bóng cho nhau. Như ánh sáng của các ngọn đèn, ánh sáng

đức Phật ta tu đạo, chìm chóc tha bùn cỏ làm tổ trên đỉnh đầu Ngài, được tiêm nhiễm khí phận của Phật, về sau chúng đều được hưởng báo). Khí phận cũng thường được dùng như một khái niệm bao gồm “tánh chất, phẩm đức, thiên hương”.

của mỗi ngọn đèn tròn khắp giống như chỉ có một ngọn đèn. Toàn thể Lý biến thành Sự, toàn thể Sự tức là Lý, dùng toàn thể Tánh để tu tập, hoàn toàn tu hành nơi Tánh, cũng nên suy nghĩ sâu xa điều này vậy).

(Giải: Hiềm rằng, lìa khỏi cõi Tịnh Độ này thì đừng bàn đến “duy tâm Tịnh Độ” nữa, cam lòng bị chê cười là “thử tức, điều không”⁹ vậy thay! Phần thứ nhất [trong Chánh Tông Phần] giảng về sự mâu nhiệm nơi y báo đến đây là hết).

(Chánh kinh: Này Xá Lợi Phất! Ý ông nghĩ sao? Vì sao đức Phật ấy hiệu là A Di Đà?

⁹ “Thử tức, điều không” là thành ngữ chế giễu kẻ học Phật không hiểu biết hoặc chỉ thích bàn xuông, nghe nói: “Phật tức tâm, tâm tức Phật” thì cũng cứ lập lại “tức tức” giống như tiếng chuột kêu “tức tức” (chữ Tức (即) có âm Quan Thoại jí, khá giống với tiếng chuột kêu chít chít), mà chẳng hiểu “tức tức” là gì. Lại nghe nói: “Vạn pháp là không” thì cũng nói: “Không, không” giống như tiếng chim kêu trên không trung, mà chẳng hiểu “không không” là gì.

Giải: Đây là kinh nêu bày đích xác diệu hạnh trì danh, nên đặc biệt gạn hỏi và giải thích danh hiệu, muốn cho người ta tin tưởng sâu xa vào vạn đức hồng danh chẳng thể nghĩ bàn, một lòng chấp trì không còn nghi ngờ. A Di Đà Phật, dịch đúng nghĩa là “vô lượng”, vốn chẳng thể nói được. Bốn Sư [Thích Ca Mâu Ni Phật] dùng hai nghĩa Quang và Thọ để gồm thâu trọn hết thảy những điều vô lượng. Quang theo chiều ngang trọn khắp mười phương, Thọ theo chiều dọc cùng tột ba đời. Ngang dọc đan xen vào nhau thấu suốt cùng tận, đây chính là Thể của pháp giới. Nêu ra cái Thể này để làm thân và cõi nước của A Di Đà Phật, mà cũng là nêu ra cái Thể nhằm tạo nên danh hiệu A Di Đà. Vì vậy, danh hiệu Di Đà chính là Bốn Giác lý tánh của chúng sanh. Trì danh chính là Thủ Giác hợp với Bốn Giác. Thủ Giác và Bốn Giác chẳng hai, chúng

sanh và Phật chẳng hai. Vì thế, một niệm tương ứng một niệm Phật, niệm niệm tương ứng niệm niệm Phật).

(Chánh kinh: *Này Xá Lợi Phát! Đức Phật ấy quang minh vô lượng, chiếu mười phương cõi nước không bị chướng ngại. Do vậy, Ngài có hiệu là A Di Đà Phật).*

(Giải: *Tâm tánh tịch mà thường chiếu nên gọi là quang minh. Nay chứng thấu triệt cái Thể vô lượng của tâm tánh nên quang minh vô lượng. Chư Phật đều chứng thấu triệt tánh thể, [quang minh] đều chiếu mười phương, đều có thể gọi là Vô Lượng Quang. Nhưng trong lúc tu nhân nguyện lực khác nhau, tùy theo nhân duyên mà lập danh hiệu sai khác. A Di Đà Phật khi còn là tỳ-kheo Pháp Tạng phát ra bốn mươi tám nguyện, trong số ấy có nguyện “quang minh luôn chiếu mười*

phương”. Nay thật sự thành tựu đúng như lời nguyện. Pháp Thân quang minh không ngăn mé. Báo Thân quang minh xưng hợp chân tánh. Đây chính là điều chư Phật vị nào cũng giống nhau. Quang minh nơi Ứng Thân thì có vị chiếu một do-tuần, mười, trăm, ngàn do-tuần, một thế giới, trăm, mười, ngàn thế giới, chỉ có A Di Đà Phật quang minh chiếu trọn khắp, nên đặc biệt có tên là Vô Lượng Quang. Nhưng ba thân chẳng một, chẳng khác, nhằm làm cho chúng sanh đạt được bốn thứ lợi ích nên phân biệt như vậy mà thôi! Hãy nên biết rằng: “Không chướng ngại” là dựa theo phía nhân dân mà nói. Do chúng sanh có duyên sâu với Phật nên Phật quang chiếu khắp mọi nơi, hết thấy thế gian không đâu chẳng thấy trọn vẹn).

(Chánh kinh: Lại này Xá Lợi Phát! Thọ mạng của đức Phật ấy và nhân dân của

Ngài là vô lượng vô biên A-tăng-kỳ kiếp, nên có tên là A Di Đà.

Giải: Tâm tánh chiếu mà thường tịch nên [mệnh danh] là thọ mạng. Nay chứng triệt để cái Thể vô lượng của tâm tánh, cho nên thọ mạng vô lượng. Thọ mạng của Pháp Thân không khởi đầu, không kết thúc; thọ mạng của Báo Thân có khởi đầu, không có kết thúc. Đây chính là điều giống nhau giữa chư Phật nên vị nào cũng đều có thể gọi là Vô Lượng Thọ. Ứng Thân tùy theo nguyện, tùy theo căn cơ mà thọ mạng kéo dài hay rút ngắn khác nhau. Trong nguyện vương của ngài Pháp Tạng có lời nguyện “thọ mạng của Phật và nhân dân đều vô lượng”, nay quả thật thành tựu đúng như lời nguyện, nên riêng Ngài có tên là Vô Lượng Thọ. A-tăng-kỳ, vô biên, vô lượng, đều là những tên gọi trong toán số, quả thật là vô lượng trong hữu lượng; nhưng tam thân chẳng một,

chẳng khác nên Ứng Thân cũng có thể là vô lượng trong vô lượng. “Cập” là “và”. Chữ “nhân dân” chỉ những người từ Đẳng Giác trở xuống, ý nói: Thọ mạng của Phật và nhân dân của Ngài đều bình đẳng vô lượng).

(**Giải:** Hãy nên biết danh hiệu quang thọ đều vốn vì chúng sanh mà kiến lập. Do chúng sanh và Phật bình đẳng nên có thể khiến cho quang minh và thọ mạng của người trì danh giống như Phật chẳng khác. Lại nữa, do ý nghĩa “vô lượng quang” mà chúng sanh sanh về Cực Lạc tức là sanh về mười phương, thấy A Di Đà Phật chính là thấy mười phương chư Phật. Có thể tự độ chính là lợi ích khắp hết thảy. Do ý nghĩa “vô lượng thọ” nên nhân dân trong cõi Cực Lạc chính là Nhất Sanh Bồ Xứ, đều nhất định thành Phật ngay trong đời này, chẳng đợi đến đời khác. Hãy nên

biết: Lìa khỏi một niệm tâm vô lượng quang thọ thì danh hiệu A Di Đà Phật sẽ do đâu mà có? Nhưng lìa khỏi danh hiệu A Di Đà Phật thì còn có cách nào để chứng thâu triệt một niệm tâm vô lượng quang thọ? Xin hãy suy nghĩ sâu xa, xin hãy suy nghĩ sâu xa).

(Chánh kinh: Nay Xá Lợi Phát! A Di Đà Phật thành Phật đến nay đã mười kiếp.

Giải: Điều này nói về sự thành tựu của bậc giáo chủ trong thế giới Cực Lạc; nhưng Pháp Thân chẳng có thành hay không thành, chẳng nên luận đến kiếp số. Báo Thân nhân tròn quả vẹn, nên gọi là “thành”. Ứng Thân do chúng sanh mà thị hiện giáng sanh nên gọi là “thành”, đều có thể luận định kiếp số. Lại nữa, Pháp Thân do Tu Đức mà hiển lộ nên cũng có thể luận định “thành” và kiếp số. Báo Thân chẳng phải là mới đạt được. Ứng

Thân như mặt trăng in bóng trên sông nên cũng chẳng có thành hay không thành, chẳng nên luận định kiếp số).

(Giải: Nhưng chư Phật thành đạo, mỗi vị đều có Bản và Tích. Bản địa trọn chẳng thể suy lường được. Lại ước theo sự thị hiện thành Phật nơi Tích môn trong cõi Cực Lạc mà nói thì đối với tam thân, hễ thành được một thì hết thấy đều thành. Cũng có nghĩa là “chẳng phải thành, chẳng phải không thành”, nhưng lại luận định về sự “thành Phật”. Hơn nữa, Phật thọ vô lượng, nay [A Di Đà Phật] mới chỉ [thành Phật] mười kiếp, tức là Ngài đang thuyết pháp trong hiện tại, thời gian đức Phật còn tại thế chưa hết, khuyên khắp các chúng sanh trong ba đời hãy mau cầu vãng sanh để có thọ mạng giống hệt như Phật, hoàn thành sự tu học chỉ trong một đời. Hơn nữa, trong đoạn kinh văn phía

sau có nói vô số Thanh Văn, Bồ Tát và Bồ Xứ đều thành tựu trong mười kiếp, chỉ rõ những người vãng sanh [chứng đắc] Bất Thoái trong mười phương ba đời đã nhiều lại còn dễ dàng).

(**Chánh kinh:** Lại này, Xá Lợi Phất! Đức Phật ấy có vô lượng vô biên Thanh Văn đệ tử, đều là A La Hán, chẳng thể dùng toán số để biết được. Các hàng Bồ Tát cũng giống như vậy).

(**Giải:** Hàng định tánh Nhị Thừa trong phương khác chẳng được sanh về cõi ấy. Nếu là người tu tập hạnh Tiểu Thừa từ trước, khi lâm chung hướng về Bồ Đề, phát ra thệ nguyện lớn, sẽ sanh về cõi ấy. Phật liền thuận theo căn cơ để thuyết pháp, khiến họ đoạn Kiến Hoặc, Tư Hoặc, nên gọi là La Hán, giống như bậc Thất Trụ Bồ Tát trong Biệt Giáo đoạn được

Kiến Hoặc, Tư Hoặc, chứ không phải là Thanh Văn thật sự. Bởi lẽ, trong Tạng Giáo và Thông Giáo, không nghe đến danh hiệu chư Phật ở phương khác. Nay [những người] nghe danh hiệu Di Đà, tín nguyện vãng sanh, nói chung đều thuộc về căn cơ được thâm nhiếp bởi hai giáo là Biệt và Viên vậy).

(Chánh kinh: Này Xá Lợi Phát! Cõi nước Phật ấy thành tựu công đức trang nghiêm như thế đó)

(Giải: Phật và Thanh Văn, Bồ Tát, hoàn toàn là do nguyện hạnh của Phật Di Đà trong lúc tu nhân tạo thành, mà cũng là “một thành thì hết thấy thành” nơi quả vị. Tức là Phật, Bồ Tát, Thanh Văn, mỗi mỗi đều chẳng phải Tự, chẳng phải Tha, Tự và Tha chẳng hai. Vì thế nói “thành tựu công đức trang nghiêm như thế đó”, có thể

khiến cho người tín nguyện trì danh niệm niệm cũng thành tựu như vậy. Phần thứ nhất [trong Chánh Tông Phần], nói rộng về diệu quả y báo và chánh báo nhằm khơi gợi lòng tin đã xong).

4.2.2. Riêng khuyên chúng sanh hãy nên phát nguyện cầu được vãng sanh

(Giải: Tịnh Độ thù thắng là do đời nghiệp vãng sanh, vượt khỏi tam giới theo chiều ngang, cõi Đông Cự theo chiều ngang trọn đủ bốn cõi [Tịnh Độ], khai hiển pháp luân tứ giáo (Tạng, Thông, Biệt, Viên), chúng sanh thanh tịnh trọn vẹn bốn cõi Tịnh Độ, thấy trọn vẹn ba thân, chứng trọn vẹn ba thứ Bất Thoái. Nhân dân đều thành Phật trong một đời. Những sự thù thắng, lạ lùng, siêu việt, tuyệt diệu như thế,

hoàn toàn được chỉ bày trong hai khoa này, hãy nên nghiên cứu kỹ lưỡng).

(Giải: Nay Xá Lợi Phát! Chúng sanh sanh về cõi nước Cực Lạc đều là A Bệ Bạt Trí, trong ấy có nhiều vị là Nhất Sanh Bồ Xứ, chẳng thể tính toán để biết được số lượng, chỉ có thể nói là vô lượng, vô biên, A-tăng-kỳ).

(Giải: A Bệ Bạt Trí, cõi này dịch là Bất Thoái:

- 1. Vị Bất Thoái: Nhập dòng thánh, chẳng đọa vào địa vị phàm phu.*
- 2. Hạnh Bất Thoái: Luôn độ sanh, chẳng đọa vào địa vị Nhị Thừa.*
- 3. Niệm Bất Thoái: Tâm tâm lưu nhập biển Nhất Thiết Trí.*

Nếu dựa theo cõi này [để luận định] thì [các địa vị như] Sơ Quả trong Tạng Giáo, Kiến Địa trong Thông Giáo, Sơ Trụ trong

Biệt Giáo và Sơ Tín trong Viên Giáo gọi là Vị Bất Thoái. Bậc Bồ Tát trong Thông Giáo, bậc Thập Hương trong Biệt Giáo, bậc Thập Tín trong Viên Giáo thì gọi là Hạnh Bất Thoái. Bậc Sơ Địa trong Biệt Giáo, bậc Sơ Trụ trong Viên Giáo thì gọi là Niệm Bất Thoái. Nay Tịnh Độ thì kể Ngũ Nghịch, Thập Ác, mười niệm thành tựu vãng sanh trong Hạ Hạ Phẩm đều đắc ba thứ Bất Thoái).

(Giải: Nhưng căn cứ theo đạo lý [thông thường] trong hết thấy kinh điển thì nếu là phàm phu, sẽ chẳng giống với bậc Sơ Quả. Nếu là Nhị Thừa, sẽ chẳng phải là bậc Bồ Tát. Nếu là Dị Sanh Tánh (địa vị Tam Hiền trong Biệt Giáo) sẽ chẳng giống với bậc Đồng Sanh Tánh (Sơ Trụ trong Viên Giáo). Lại nữa, Niệm Bất Thoái chẳng còn là Dị Sanh, Hạnh Bất Thoái thì chẳng phải chỉ mới thấy đạo, Vị Bất Thoái thì

chẳng phải là nhân dân. [Trong giáo pháp thông thường] nếu thuộc địa vị dưới mà nói lấn lên bậc trên sẽ trở thành đại vọng ngữ, phải vượt lên địa vị mới thì mới bỏ danh xưng cũ. Chỉ có trong cõi Đông Cự của Cực Lạc, hết thấy đều chẳng phải, mà hết thấy cũng đều phải. Các cõi Phật trong mười phương đều chẳng có danh tướng này, không có địa vị này, không có pháp môn này. Nếu không phải là do tâm tánh đạt đến tốt bậc, công hun đúc kỳ diệu của pháp trì danh, và Di Đà đại nguyện thì làm sao đạt được như thế này? Nhất Sanh Bồ Xứ là chỉ một đời sẽ được bỏ đi làm Phật, giống như Di Lạc, Quán Âm v.v... Trọn khắp nhân dân trong cõi Cực Lạc đều là bậc thành Phật trong một đời, ai nấy đều thật sự chứng được địa vị Bồ Xứ. Vì thế trong ấy có nhiều bậc thượng thiện như thế, chẳng thể tính biết được!

Hơn nữa, trong những giáo pháp của cả đời Phật Thích Ca, chỉ mình kinh Hoa Nghiêm nói đến sự viên mãn trong một đời, nhưng cái nhân viên mãn trong một đời nằm trong phẩm cuối cùng là phẩm Phổ Hiền Hạnh Nguyên, mười đại nguyện vương dẫn về An Dưỡng. Lại còn dùng điều này để khuyên lơn, sách tấn Hoa Tạng hải chúng.

Than ôi! Phàm phu mà được dự vào bậc Bồ Xứ là một sự khởi xướng bàn luận lạ lùng, cao tốt, chẳng thể suy lường được. Điểm đặc thù của kinh Hoa Nghiêm hoàn toàn nằm trong kinh này, nhưng thiên hạ xưa nay, người tin tưởng ít ỏi, kể nghi ngờ đông nhiều. Càng nói lắm, nghĩa càng hao, tôi chỉ có cách mổ tim vậy máu mà [nêu bày cho rõ nghĩa này] mà thôi!)

(Chánh kinh: Này Xá Lợi Phát! Chúng sanh nghe vậy, hãy nên phát nguyện,

nguyện sanh vào cõi ấy. Vì có sao thế? Được cùng các vị thượng thiện nhân như thế cùng tụ hội một chỗ).

(**Giải:** La Hán, Bồ Tát được nói trong đoạn trước chỉ có thể gọi là “thiện nhân”, riêng hàng Bồ Xứ là tốt bậc trong địa vị tu nhân, nên gọi là “thượng”. Số lượng thật nhiều, nên gọi là “chư”. “Cùng tụ hội một chỗ”: Nếu nói về Phạm Thánh Đồng Cư thì thông thường, bậc thật thánh do có nghiệp hữu lậu trong quá khứ, bậc quyền thánh (thánh nhân thị hiện) do đại nguyện từ bi, nên phạm phu được ở chung một cõi với thánh nhân. Đến khi bậc thật thánh diệt thân và cơ duyên thị hiện của bậc quyền thánh đã hết, [thì phạm phu và thánh nhân] liền thặng trầm thật khác biệt, khổ sướng rất khác, nên chỉ là “tạm đồng” (ở chung với nhau tạm thời), chứ không phải là rốt ráo “đồng”. Hơn nữa,

trong khoảng trời đất, ít ai thấy nghe [thánh nhân], những người may mắn được thấy, nghe, thân cận, theo học hỏi chỉ là số ít. Hơn nữa, khi Phật tại thế, thánh nhân dẫu đông, nhưng [vẫn là hiếm hoi] như đồ quý báu, như vật tốt lành, chẳng thể trọn khắp cõi nước giống như các ngôi sao hay vi trần. Hơn nữa, tuy cùng sống [trong một quốc độ], nhưng việc làm, hành động hết sức khác biệt. Nay [trong cõi Cực Lạc] thì cùng do nghiệp vô lậu chẳng thể nghĩ bàn cảm vời mà cùng tụ hội một chỗ, làm thầy bạn cho nhau, giống như ống tiêu với ống sáo, cùng hết sạch vô minh, cùng đạt lên Diệu Giác. Do vậy, chúng sanh kém cõi, phàm phu, ở trong Niệm Bất Thoái, vượt trọn hết bốn mươi một địa vị tu nhân. Nếu bảo họ là phàm phu thì họ chẳng trải qua các địa vị Di Sanh, mà dự ngay vào địa vị Bồ Xứ, chẳng khác gì Quán Âm, Thế Chí.

Nếu bảo họ là Nhất Sanh Bồ Xứ thì chỉ có thể gọi họ là phàm phu, chẳng thể gọi họ là Đẳng Giác Bồ Tát. Điều này chẳng thể gồm thâu trong giáo pháp nào, mà cũng chẳng thể có trong bất cứ cõi nước nào).

(Giải: Hãy nên biết đối với nhân duyên đại sự của chúng ta, một cửa ải Đồng Cư khó thể vượt thoát nhất. Chỉ có cõi Đồng Cư trong Cực Lạc vượt khỏi các cõi Đồng Cư trong mười phương. Hiểu rõ điều này rồi thì mới có thể tin sâu vào nguyện lực của Phật Di Đà. Có tin vào Phật lực thì mới có thể tin tưởng sâu xa công đức của danh hiệu. Tin vào trì danh thì mới có thể tin tưởng sâu xa tâm tánh của chúng ta vốn chẳng thể nghĩ bàn. Có lòng tin sâu xa như vậy rồi thì mới có thể phát ra đại nguyện. Hai chữ “hãy nên” trong kinh văn chính là nói đến lòng tin sâu xa. Tin sâu, phát nguyện chính là Vô Thượng Bồ

Đề. Gộp cả hai thứ Tín và Nguyện này, đích xác là kim chỉ nam cho pháp môn Tịnh Độ. Do hai điều này mà chấp trì danh hiệu thì là Chánh Hạnh. Nếu tín nguyện kiên cố, lâm chung mười niệm hoặc một niệm, cũng quyết định được vãng sanh. Nếu không có tín nguyện, dầu trì danh hiệu đến mức gió thổi chẳng lọt, mưa tấp chẳng ướt giống như tường bạc vách sắt thì cũng chẳng có lẽ nào được vãng sanh! Người tu Tịnh nghiệp chẳng thể không biết điều này. Đại Bản A Di Đà Kinh cũng coi “phát nguyện Bồ Đề” là trọng yếu, hoàn toàn giống như kinh này).

4.2.3. Chỉ thẳng pháp Trì Danh [nhằm khuyến hành giả] lập hạnh

(*Chánh kinh*: Này Xá Lợi Phát! Chẳng thể dùng chút ít thiện căn, phước đức, nhân duyên để sanh vào nước ấy. Này Xá

Lợi Phát! Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nhân, nghe nói A Di Đà Phật, chấp trì danh hiệu, hoặc một ngày, hoặc hai ngày, hoặc ba ngày, hoặc bốn ngày, hoặc năm ngày, hoặc sáu ngày, hoặc bảy ngày, nhất tâm bất loạn, khi người ấy lâm chung, A Di Đà Phật và các thánh chúng hiện ra trước mặt. Người ấy lúc lâm chung, tâm chẳng điên đảo liền được sanh về cõi nước Cực Lạc của A Di Đà Phật).

(Giải: Chánh đạo Bồ Đề gọi là “thiện căn”, tức thân nhân (cái nhân chánh yếu). Các món trợ đạo như Thí, Giới, Thiên v.v... gọi là “phước đức”, tức là trợ duyên. Thiện căn Bồ Đề của Thanh Văn, Duyên Giác ít ỏi, phước nghiệp của trời người là hữu lậu, nên phước đức ít ỏi, đều chẳng thể vãng sanh Tịnh Độ. Chỉ có tín nguyện, chấp trì danh hiệu thì mỗi một tiếng đều đầy đủ nhiều thiện căn, phước đức. Tâm

tán loạn xưng danh thì phước thiện còn chẳng thể lường, huống là nhất tâm bất loạn ư!)

(Giải: Do vậy, khiến cho [Phật và hành giả tu Tịnh Độ] cảm ứng đạo giao, nét khắc trên ấn đã hiện, ấn¹⁰ [sáp] liền hoại. Phật Di Đà và thánh chúng, chẳng tới mà tới, đích thân rủ lòng tiếp dẫn, tâm thức của hành nhân chẳng đi mà đi, gởi thể chất trong hoa sen báu).

¹⁰ “Văn” là nét chữ khắc trên ấn. Trong thư gởi cho ông Đinh Phước Bảo (Ấn Quang Pháp Sư Văn Sao Tam Biên, quyển 4), tổ Ấn Quang đã giảng: “Trong quyển bảy của bộ [Phật Học] Đại Từ Điển, trang 1029, phía dưới từ ngữ ‘ấn hoại thành văn’ (ấn nát nhưng dấu khắc trên ấn đã hiện) chú rằng: “Đúc sáp thành ấn, in trên bùn đất”, chưa đích xác! Ở đây là nói về kim nê, dùng ấn [đúc hay khắc bằng] sáp áp vào kim nê đang nóng chảy. Do kim nê chưa nguội nên còn mềm mại có thể đóng ấn vào được. Tuy đã bị ấn sáp đóng xuống thành vết, nhưng vì sức nóng của kim nê nên ấn sáp bị chảy tan. Tuy ấn sáp bị chảy tan, nhưng mỗi một nét khắc trên mặt ấn sáp đã đều hiện rõ trên kim nê. Như vậy thì ấn bị hoại, nhưng nét khắc trên mặt ấn đã hình thành, [hai chuyện này xảy ra] cùng một lúc. Nếu hiểu là [đem ấn sáp] in trên bùn đất thì làm sao ấn có thể bị hư hoại cho được?” Kim Nê là một hợp chất do thủy ngân hòa lẫn với bột vàng (hoặc kim loại khác) đem nung nóng thành chất bột sền sệt. Do ấn vừa in xuống, nét khắc liền hiện, có thể ví dụ sự việc xảy ra đồng thời, giống như chúng sanh vừa cảm, Phật liền ứng nên hòa thượng Tịnh Không mới nói: “Văn thành ấn hoại là tỷ dụ công phu niệm Phật thành tựu. Công phu trong một niệm, niệm đến mức thuần nhất bèn cảm ứng đạo giao”.

(Giải: “Thiện nam nữ”: Bất luận tại gia hay xuất gia, sang, hèn, già, trẻ, sáu nẻo, tứ sanh, chỉ nghe được danh hiệu Phật thì đã là thiện căn trong nhiều kiếp chín muôi. Kẻ Ngũ Nghịch, Thập Ác cũng đều gọi là “thiện” cả)

(Giải: A Di Đà Phật là danh hiệu rộng lớn có đủ muôn đức. Dùng danh để vờ đức, trọn chẳng còn sót gì. Vì thế, liền lấy chấp trì danh hiệu làm Chánh Hạnh, chẳng cần phải dính dáng những hạnh như quán tưởng, tham cứu v.v.. Đơn giản, dễ dàng nhất, thẳng chóng nhất. Nghe rồi tin, tin rồi nguyện, bèn chịu chấp trì. Chứ chẳng tin, chẳng nguyện thì cũng giống như chẳng nghe; tuy tạo thành cái nhân xa, nhưng chẳng thể gọi là Văn Huệ).

(Giải: Chấp trì là niệm niệm nhớ tới danh hiệu Phật, cho nên là Tư Huệ;

nhưng có Sự Trì và Lý Trì. Sự Trì là tin có A Di Đà Phật ở Tây Phương, nhưng chưa thấu đạt “tâm này làm Phật, tâm này là Phật”, nhưng do quyết chí nguyện cầu vãng sanh, như con nhớ mẹ, không lúc nào tạm quên. Lý Trì là tin A Di Đà Phật ở Tây Phương tâm ta sẵn đủ, là do tâm ta tạo, liền dùng hồng danh tâm ta sẵn đủ, tâm ta tạo ấy để làm cảnh hệ niệm khiến cho chẳng tạm quên vậy).

(Giải: “Từ một ngày cho đến bảy ngày” là định thời hạn hồng tu tập thành tựu. Bạc lợi căn trong một ngày liền chẳng loạn. Độn căn thì bảy ngày mới chẳng loạn. Bạc trung căn thì hai, ba, bốn, năm, sáu ngày không chùng. Lại nữa, bạc lợi căn có thể bất loạn suốt bảy ngày. Bạc độn căn chỉ có thể bất loạn trong một ngày. Bạc trung căn thì sáu, năm, bốn, ba, hai ngày không chùng).

(**Giải:** Nhất tâm cũng có hai thứ. Bất luận Sự Trì hay Lý Trì, trì đến mức khuất phục, trừ diệt phiền não, cho đến trừ hết Kiến Hoặc hay Tư Hoặc trước, đều là Sự nhất tâm. Bất luận là Sự Trì hay Lý Trì, trì đến mức tâm khai ngộ, thấy vị Phật nơi bốn tánh, đều là Lý nhất tâm. Sự nhất tâm chẳng bị Kiến Hoặc, Tư Hoặc nhiễu loạn, Lý nhất tâm chẳng bị nhị biên nhiễu loạn. Đây chính là Tu Huệ vậy).

(**Giải:** Chẳng bị Kiến Hoặc và Tư Hoặc làm loạn, nên cảm được thân biến hóa của Phật và các vị thánh hiện tiền. Do tâm chẳng còn dấy lên ý niệm điên đảo thuộc về ba cõi trong thế giới Sa Bà, nên người ấy sẽ sanh vào hai cõi Đồng Cư và Phương Tiện trong thế giới Cực Lạc).

(**Giải:** Chẳng bị Nhị Biên nhiễu loạn nên cảm được thân thụ dụng của Phật và

các vị thánh hiện tiền, tâm chẳng còn khởi lên hai món kiến giải điên đảo sanh tử và Niết Bàn nên sanh về hai cõi Thật Báo và Tịch Quang của thế giới Cực Lạc).

(**Giải:** Hãy nên biết rằng: Chấp trì danh hiệu tuy đơn giản, dễ dàng, thẳng chớ, mà lại viên đốn tốt bậc, bởi mỗi niệm chính là Phật, chẳng nhọc công quán tưởng, chẳng cần phải tham cứu, mà ngay trong khi niệm Phật ấy bèn viên minh, chẳng thừa, chẳng thiếu).

(**Giải:** Bậc thượng thượng căn chẳng thể vượt ngoài cửa ải này, mà kẻ hạ hạ căn cũng có thể đạt đến cảnh giới ấy, [do công phu tu tập của mỗi người mà] đối với mỗi tầng cấp công phu cảm được đức Phật và cõi nước sẽ sanh về lại càng thù thắng hơn, cũng chẳng nhất loạt giống

nhau¹¹. Có thể nói là [pháp môn Tịnh Độ] theo chiều ngang bao trùm tám giáo, theo chiều dọc thấu triệt năm thời. Do vậy, [đức Phật] vì tâm bi triệt để, chẳng ai hỏi mà tự nói, lại còn khen ngợi sâu xa pháp này khó tin).

(Giải: Hỏi: Quán Kinh chuyên giảng về cách quán tượng, sao [ở đây] lại nói “chẳng phải nhọc công quán tượng?”

Đáp: Nghĩa này vốn lấy từ Quán Kinh. Kinh ấy do thấy tâm lực của phàm phu chẳng thể kham nổi phép Quán thù thắng nên trong phép Quán thứ mười ba đã dạy riêng cách quán tượng Phật thấp kém¹². Nhưng kể chương nặng vẫn chẳng thể

¹¹ Chúng tôi dịch câu này theo cách diễn giải của pháp sư Viên Anh trong A Di Đà Kinh Yếu Giải Giảng Ký.

¹² Gọi là “quán tượng thấp kém” (quán liệt tượng) vì tượng dù có to cách mấy vẫn chẳng thể sánh bằng chân thân của Phật. Hơn nữa, trong cách quán này, chỉ dạy quán thân Phật cao một tượng sáu, tức là quán Ứng Thân, thua xa vẻ đẹp thù thắng của Báo Thân nên gọi là “liệt tượng” (tượng kém hèn). Hơn nữa, tượng trong thế gian dù đẹp cách mấy vẫn không có cách nào diễn tả một phần vẻ đẹp thù thắng của ba mươi hai tướng, tám mươi vẻ đẹp phụ (tùy hình hảo) nơi Liệt Ứng Thân nên gọi là “kém hèn”.

niệm đức Phật ấy [bằng phương pháp Quán Tưởng Niệm Phật] nên trong phép Quán thứ mười sáu, mở rộng môn xưng danh. Do trong đời Mạt, kẻ chường nặng đông đảo mà kinh này chuyên chú nơi phép Quán thứ mười sáu. Hãy nên biết rằng: Căn tánh của con người tuy chậm lụt, nhưng thân tướng tượng Phật cao trượng sáu hoặc tám thước và danh hiệu Vô Lượng Thọ Phật chưa bao giờ chẳng phải là “tâm này làm Phật, tâm này là Phật”. Vì thế, người quán tượng Phật thấp kém thì chẳng nhọc sức tu tập pháp quán tưởng thù thắng, còn người xưng danh thì chẳng cần phải mất công quán tưởng).

(Giải: Hỏi: Các vị Tổ Thiên Kỳ và Độc Phong đều chủ trương tham cứu câu “người niệm Phật là ai?”, sao lại bảo là chẳng cần phải tham cứu?)

Đáp: Nghĩa này phát xuất từ ngài Thiên Kỳ và các vị Tổ khác. Các Tổ đời trước do thấy người niệm Phật chẳng khế hợp tâm bi triệt để của Phật Thích Ca, nên ở bên cạnh chẳng đành lòng, phải vắn hỏi ngay câu ấy để mạnh mẽ đánh thức [người niệm Phật], chứ đâu phải chỉ là muốn làm cho họ chắm dứt đêm dài bất giác, sáng suốt trở lại? Bọn chúng ta cho đến nay vẫn chẳng chịu chết lòng niệm Phật, cứ khổ sở muốn cầm hòn ngói gõ cửa ấy để chọi cha mẹ ruột đang ở trong nhà, như vậy là đã trở thành kẻ ác nghịch đối với chư Tổ, chứ có phải là kẻ vâng thuận đâu!)

(**Giải:** Lại hỏi cao hơn nữa, điều này đối với người chịu dốc lòng niệm Phật thì được, chứ đối với người chưa chịu thì làm sao [tâm người ấy] tương ứng [với tâm Phật] cho được?)

Đáp: Ôi chao! Chính là vì kẻ chưa chịu [dốc lòng niệm Phật, mà nói những lời ấy]. Do vậy, tôi [nói những lời ấy] nhằm làm cho các ông chịu bằng lòng [niệm Phật] hòng được tương ứng. Cái tâm chánh tín của các ông chưa sanh khởi, nó giống như miếng da trâu tươi, không thể xếp hay bẻ gập lại được. Hãy nên biết rằng: Người có mắt thì lẽ nào lại thấp đèn dưới ánh mặt trời? Còn kẻ không có mắt, cũng chẳng phải khổ sở tìm kiếm đèn đuốc giữa ban ngày! Đại Thế Chí Pháp Vương Tử nói: “Chẳng cần đến phương tiện nào khác mà tâm tự được khai ngộ”. Câu nói này là một đồng lửa to trong Nhất Hạnh tam-muội, có ai dám chạm vào mà chẳng bị nó đốt ư?)

(**Giải:** Hỏi: Lâm chung Phật hiện, há bảo đảm chẳng phải là ma ư?)

Đáp: Người tu tâm chẳng quán Phật mà Phật đột nhiên hiện, vốn không phải là điều người ấy mong mỏi, nên gọi là ma sự. Niệm Phật thấy Phật, tức là tương ứng, huống chi lâm chung chẳng phải là lúc ma đến, cần gì phải nghi ngờ, lo lắng nữa?).

(**Giải:** **Hỏi:** Bảy ngày chẳng loạn là lúc bình thường hay lúc lâm chung?)

Đáp: Lúc bình thường.

Hỏi: Sau khi đã đắc bảy ngày chẳng loạn, lại dậy phiền não, tạo nghiệp thì cũng được vãng sanh ư?

Đáp: Nếu là người thật sự đạt được nhất tâm bất loạn thì không còn có chuyện dậy lên phiền não, tạo nghiệp nữa!

Hỏi: Mười niệm trong kinh Đại Bản và một niệm trong luận Bảo Vương là nói về lúc bình thường hay lúc lâm chung?

Đáp: “Mười niệm” là nói chung cả hai thời điểm ấy. Mười niệm vào lúc sáng sớm thuộc lúc bình thường. Mười niệm được vãng sanh [trong lời nguyện của A Di Đà Phật trong kinh Vô Lượng Thọ] giống như “mười niệm xưng danh” [được nói trong chương Hạ Phẩm Hạ Sanh] của Quán Kinh, đều thuộc về lúc lâm chung. Còn một niệm [như trong luận Bảo Vương nói] thì thuộc về lúc lâm chung.

Hỏi: Mười niệm và một niệm đều được vãng sanh thì cần gì phải bảy ngày [nhất tâm bất loạn]?

Đáp: Nếu lúc bình thường không có công phu bảy ngày [nhất tâm bất loạn] thì làm sao có mười niệm hay một niệm lúc lâm chung được? Dẫu là kẻ nghịch ác thuộc Hạ Hạ Phẩm, đều là do cái nhân trong đời trước đã chín muồi nên cảm vời khi lâm chung gặp thiện hữu, vừa nghe nói [về pháp môn Tịnh Độ] liền tín

nguyện. Chuyện này trong một vạn trường hợp chẳng có được một, há nên cầu may ư? Sách Tịnh Độ Hoặc Vấn bài xích quan điểm cầu may này tường tận nhất, người đời nay chẳng thể không đọc!).

(Giải: Hỏi: Tây Phương cách đây mười vạn ức cõi, làm sao sanh ngay sang ấy được?

Đáp: Mười vạn ức cõi chẳng ngoài một niệm tâm tánh hiện tiền của ta, bởi tâm tánh vốn chẳng ở bên ngoài. Hơn nữa, cấy vào Phật lực từ trong tâm tánh tiếp dẫn, khó gì mà chẳng sanh ngay [sang cõi Cực Lạc]? Giống như trong gương chiếu mấy chục tầng núi, sông, lầu gác, tầng nào tầng nấy rành rành, quả thật chẳng có gần hay xa, hễ vừa soi liền trọn đủ, chẳng thấy có trước hay sau. “Cách đây mười vạn ức cõi Phật có thế giới tên là Cực Lạc”, cũng giống như vậy. “Cõi ấy

có Phật, hiệu A Di Đà nay hiện đang thuyết pháp” cũng giống như vậy. “Khi ấy người lâm chung, A Di Đà Phật và các thánh chúng hiện ra trước mắt. Người ấy khi lâm chung, tâm chẳng điên đảo, liền được sanh về cõi nước Cực Lạc của A Di Đà Phật”, cũng giống như vậy. Hãy nên biết rằng từng chữ [trong kinh A Di Đà] đều là Hải Ấn tam-muội, là kinh văn thiêng liêng giảng về Đại Viên Kính Trí).

(Giải: Hỏi: Trì danh được phán định thuộc về Hành Hạnh, thì nó là Trợ Hạnh, chứ sao lại bảo là Chánh Hạnh?

Đáp: Dựa theo nhất tâm để nói về Tín - Nguyện - Hạnh thì không có trước sau, không nhất định phải tách ra thành ba thứ. Bởi lẽ, không có Nguyện và Hạnh thì chẳng gọi là Chân Tín. Không có Hạnh và Tín thì chẳng gọi là Chân Nguyện. Không có Tín và Nguyện thì chẳng gọi là Chân

Hạnh. Nay hoàn toàn do tín nguyện mà trì danh nên trong mỗi tiếng niệm Phật đều đầy đủ trọn vẹn ba món Tín - Nguyện - Hạnh. Do vậy, gọi là “nhiều thiện căn, phước đức, nhân duyên”. Quán Kinh bảo “do xưng niệm danh hiệu Phật nên trong mỗi niệm trừ được tội trong tám mươi ức kiếp sanh tử” chính là nói về điều này. Nếu phước thiện chẳng nhiều thì làm sao trừ được tội to lớn như thế?)

(Giải: Hỏi: Khi lâm chung mạnh mẽ, thiết tha, có thể trừ được nhiều tội, chứ lúc bình thường chí tâm xưng danh thì cũng trừ được tội ư?

Đáp: Như mặt trời mọc, mọi tối tăm đều tiêu. Xưng hồng danh, vạn tội diệt.

Hỏi: Tâm tán loạn xưng danh cũng trừ được tội ư?

Đáp: Công đức xưng danh chẳng thể nghĩ bàn, lẽ nào chẳng trừ được tội?

Nhưng không nhất định được vãng sanh, bởi lẽ điều lành hờ hững tán loạn sẽ khó thể chống lại tội lỗi tích tập từ vô thỉ. Hãy nên biết rằng tội lỗi đã tích tập nếu có thể tướng thì cùng tận cõi hư không chẳng thể chứa đựng được. Dầu suốt cả trăm năm, mỗi ngày đêm niệm Di Đà mười vạn tiếng, mỗi một tiếng diệt tội trong tám mươi ức kiếp sanh tử, nhưng tội đã diệt giống như đất đọng trên móng tay, còn tội chưa diệt giống như đất trong đại địa. Chỉ trừ niệm Phật đến nhất tâm bất loạn sẽ giống như người mạnh mẽ đột phá vòng vây xông ra, ba quân chẳng còn có thể khống chế người ấy; nhưng xưng danh sẽ là hạt giống thành Phật, như kim cương trọn chẳng thể hủy hoại. Trong thời đức Phật, một cụ già xin xuất gia, năm trăm vị thánh nhân đều nói cụ không có thiện căn. Đức Phật dạy: “Trong vô lượng kiếp trước, người này bị hồ đui, lạc giọng xưng

nam-mô Phật, đến nay thiện căn ấy chín muồi, gặp ta, đắc đạo, đạo nhân của Nhị Thừa chẳng thể biết được!” Do đây có thể thấy rằng kinh Pháp Hoa nói người trong quá khứ, ở chỗ Phật, tán loạn xưng danh đều đã thành Phật, há chẳng tin ư?)

(Giải: Kính xin kẻ áo thâm, người áo trắng, kẻ trí, người ngu, đối với pháp môn đơn giản, dễ dàng, thẳng chóng, vô thượng viên đốn này, đừng nghĩ là khó rồi liền sanh lòng thoái thác, đừng thấy là dễ dàng rồi chân chừ chẳng siêng gắng, đừng ngỡ là nông cạn để rồi đến nỗi làm lạc coi thường, đừng nghĩ pháp này quá sâu đến nỗi chẳng dám đảm đương. Bởi lẽ, danh hiệu được trì chân thật chẳng thể nghĩ bàn, tâm tánh trì niệm danh hiệu ấy cũng chân thật chẳng thể nghĩ bàn. Trì một tiếng thì một tiếng chẳng thể nghĩ bàn, trì mười, trăm, ngàn, vạn, vô lượng vô số

tiếng thì mỗi tiếng đều chẳng thể nghĩ bàn).

(**Chánh kinh:** Nay Xá Lợi Phát! Ta thấy điều lợi ấy nên nói lời này. Nếu có chúng sanh nghe nói như vậy, hãy nên phát nguyện sanh về cõi nước ấy.

Giải: “Ngã kiến” là mắt Phật thấy thấu suốt đến cùng tận. “Thị lợi” là [những điều lợi như] vượt khỏi cõi Ngũ Trược theo chiều ngang, thanh tịnh trọn vẹn bốn cõi Tịnh Độ, đạt thẳng đến các địa vị Bất Thoái viên mãn. Đây là “điều lợi chẳng thể nghĩ bàn về mặt công đức” vậy).

(**Giải:** Lại nữa, điều lợi này luận theo lúc lâm chung, tâm chẳng điên đảo; bởi lẽ, trong uế độ, đối với cửa ải lâm chung thì tự lực tu hành sẽ khó đủ sức để vượt qua nhất).

(**Giải:** Những kẻ tu hành ương bướng, trí huệ nông cuồng, buồn tủi không có kết quả thì đừng nói làm gì! Ngay cả những người ngộ giải sâu xa, tu tập cẩn thận, tinh nghiêm, mà nếu còn chút tư tóc tập khí chưa trừ thì vẫn chưa tránh khỏi tình trạng “[lúc lâm chung], nghiệp nào mạnh sẽ lôi thân thức của người ấy đi trước” khiến cho người ấy bị đọa lạc).

(**Giải:** Tổ sư Vĩnh Minh nói: “Mười người, chín chân chừ. Âm cảnh nếu hiện tiền, chớp mắt đi theo nó”. [Nghĩ đến] điều này đúng là lạnh buốt cõi lòng vậy).

(**Giải:** Sơ Quả mê muội khi ra khỏi thai, Bồ Tát hôn trước lúc chuyển từ thân Ngũ Ấm này sang thân Ngũ Ấm khác, trong khi ấy, há nó có dung cho mình gắng gượng làm chủ tử mà còn lơ mơ mong được may mắn hay sao? Chỉ có tín nguyện trì danh

là do cạy vào tha lực và thệ nguyện từ bi của Phật, nhất định chẳng luống uổng. Phật Di Đà và thánh chúng hiện đến trước mặt an ủi, hướng dẫn, nên tâm không điên đảo, tự tại vãng sanh. Phật thấy chúng sanh chịu khổ vì điên đảo tán loạn khi lâm chung, nhằm đặc biệt đảm bảo cho chúng sanh chuyện [vãng sanh] này, nên mới một lần nữa ân cần khuyên nhủ hãy phát nguyện, bởi lẽ, nguyện có thể dẫn đường cho hạnh vậy).

(Giải: Hỏi: Phật đã là “tâm này làm Phật, tâm này là Phật”, thì sao chẳng hoàn toàn nói về tự Phật (vị Phật của chính mình) mà cứ đề cao tha Phật (vị Phật khác) là thù thắng? Vì có sao thế?

Đáp: Pháp môn này hoàn toàn ở chỗ hiểu rõ Tha chính là Tự. Nếu kiêng không nói tới vị Phật nào khác tức là chưa quên Tha Kiến (cái thấy có người khác ngoài ta

ra). Nếu thiên trọng tự Phật, sẽ trở thành Ngã Kiến điên đảo).

(**Giải:** Lại nữa, trong bốn món lợi ích Tất Đàn, ba thứ lợi ích sau chẳng thể tự nó khởi lên được. Nếu chẳng từ [môn Tất Đàn thứ nhất là] Thế Giới [Tất Đàn] phát khởi sâu xa lòng vui mừng, tin tưởng thì hai thứ lợi ích là ưa thích cõi Cực Lạc và chán nhàm cõi Sa Bà sẽ chẳng thể sanh được, huống gì là ngộ nhập lý Phật? Chỉ do Sự Trì mà đạt đến Lý Trì, cho nên Phật Di Đà và thánh chúng hiện tiền chính là do bốn tánh đã hiện rõ ra. Sanh về cõi kia, thấy Phật, nghe pháp chính là thành tựu huệ thân (cái thân kết tinh bằng trí huệ), chứ chẳng phải do cái gì khác mà ngộ [được huệ thân ấy]. Pháp môn sâu mâu, phá sạch hết thấy hý luận, chặt sạch hết thấy ý kiến. Chỉ có những vị như Mã Minh, Long Thọ, Trí Giả, Vĩnh Minh mới triệt để

gánh vác pháp này được. Còn những kẻ Thế Trí Biện Thông khác, những kẻ thông hiểu cả Nho lẫn Thiên, tận hết sức suy lường, càng suy nghĩ càng xa cách hơn, hóa ra chẳng bằng những ông những bà ngu muội, thật thà niệm Phật, mà có thể ngàm thông Phật trí, thâm hợp đạo mâu. “Ta thấy điều lợi ấy nên nói lời này”, dùng Phật nhãn, Phật âm để nói ấn định rành rành chuyện này, há dám trái nghịch, chống đối, chẳng khéo thuận vâng theo hòng chứng nhập ư? Phần thứ hai là Chánh Tông Phần [đến đây là] hết)

4.3. Phần Lưu Thông

(**Giải:** Một pháp tín nguyện trì danh gồm thâm trọn vẹn và vượt trội trọn vẹn hết thấy pháp môn. Theo chiều dọc, nó giống như những pháp môn khác. Theo chiều ngang, pháp này hoàn toàn khác với

hết thấy các pháp môn, đã do đức Phật không ai hỏi mà tự nói thì ai mới có thể đề xướng, lưu thông? Chỉ có Phật và Phật mới có thể thấu hiểu cùng tận Thật Tướng của các pháp. Kinh này chỉ là cảnh giới Phật, chỉ có Phật và Phật mới có thể lưu thông mà thôi).

4.3.1. Phổ khuyến

4.3.1.1. Khuyến tín lưu thông

(Chánh kinh: Này Xá Lợi Phát! Như ta nay khen ngợi A Di Đà Phật công đức lợi ích chẳng thể nghĩ bàn của A Di Đà Phật.

Giải: “Chẳng thể nghĩ bàn”, nói đại lược gồm năm ý:

- Một là vượt thoát tam giới theo chiều ngang, chẳng đợi phải đoạn Hoặc.

- Hai là sanh về Tây Phương liền trọn đủ bốn cõi, chẳng phải do chứng từ từ.

- Ba, chỉ trì danh hiệu, chẳng cần phải dùng tới các phương tiện Thiên, Quán.

- Bốn là lấy bảy ngày làm hạn, chẳng cần đến nhiều kiếp, nhiều đời, nhiều năm tháng.

- Năm là trì danh hiệu một vị Phật liền được chư Phật hộ niệm, chẳng khác gì trì danh hiệu của hết thầy chư Phật.

Những điều này đều do đại nguyện hạnh của đấng Đạo Sư mà thành tựu. Vì thế nói “A Di Đà Phật lợi ích công đức chẳng thể nghĩ bàn”).

(**Giải:** Lại nữa, hành nhân tín nguyện trì danh hoàn toàn thấu nhiếp công đức của Phật thành công đức của chính mình. Vì thế, cũng nói: “Công đức lợi ích của A Di Đà Phật chẳng thể nghĩ bàn”. Trong đoạn dưới, [kinh văn] lại nói: “Công đức chẳng thể nghĩ bàn của chư Phật”, “công đức chẳng thể nghĩ bàn của

ta”, tức là chư Phật và Phật Thích Ca đều lấy A Di Đà Phật làm Tự).

(Chánh kinh: *Phương Đông cũng có A Súc Bệ Phật, Tu Di Tướng Phật, Đại Tu Di Phật, Tu Di Quang Phật, Diệu Âm Phật, các đức Phật nhiều như cát sông Hằng như thế đó, mỗi vị ở trong nước mình, hiện tướng lưỡi rộng dài, che khắp tam thiên đại thiên thế giới, nói lời thành thật: “Chúng sanh các người hãy nên tin kính Khen Ngợi Công Đức Chẳng Thê Nghĩ Bàn Được Hết Thủy Chư Phật Hộ Niệm này”.*

Giải: *A Súc Bệ, cõi này dịch là Vô Động, Phật có vô lượng đức, đương nhiên có vô lượng danh hiệu. Tùy theo căn cơ [của chúng sanh hóa độ] mà lập một danh hiệu, hoặc dùng nhân, hoặc dùng quả, hoặc Tánh, hoặc Tướng, hoặc hạnh nguyện v.v... [để đặt tên]. Tuy nêu lên một*

khía cạnh, nhưng mỗi danh hiệu đều đầy đủ bốn món Tất Đàn. Đối với mỗi danh hiệu, muốn giảng rõ tánh đức được phô diễn bởi danh hiệu ấy thì dù có sống lâu cả kiếp để diễn nói cũng chẳng thể nào nói trọn hết được).

(**Giải:** Phương Đông hư không chẳng thể cùng tận, nên thế giới cũng chẳng thể cùng tận. Do thế giới chẳng thể cùng tận nên chư Phật trụ thế cũng chẳng thể cùng tận, chỉ nêu đại lược là “nhiều như số cát sông Hằng” mà thôi. Các vị Phật vị nào cũng hiện tướng lưỡi rộng dài, khuyên nên tin kinh này, mà chúng sanh vẫn chẳng sanh lòng tin, ương bướng, tối tăm đến tội bậc vậy! Người thường mà ba đời không nói dối thì lưỡi có thể chạm được mũi. Quả vị Phật trong Tạng Giáo ba đại A-tăng-kỳ kiếp không nói dối, lưỡi mỏng, rộng dài có thể che mặt. Nay nhằm chứng

thực pháp môn Tịnh Độ mẫu nhiệm, cho nên [chư Phật thè lưỡi] che khắp tam thiên, nhằm biểu thị “Lý quả thật xứng hợp chân thật, Sự là đúng với sự thật, chẳng sai lầm”. Nêu ra tựa đề kinh nhằm làm cái gốc cho việc lưu thông. Ngài La Thập thuận theo thói thích đơn giản của phương này, mà dịch tựa đề kinh như [đề kinh đang được sử dụng] trong hiện tại, phù hợp khéo léo với diệu hạnh trì danh. Ngài Huyền Trang dịch [tựa đề kinh này] là Xưng Tán Tịnh Độ Phật Nhiếp Thọ Kinh. Lời văn tuy có cận kẽ hay đại lược khác nhau, nhưng ý nghĩa chẳng bị tăng hay giảm).

(Chánh kinh: Trong các thế giới ở phương Nam có Nhật Nguyệt Đấng Phật, Danh Văn Quang Phật, Đại Diệm Kiên Phật, Tu Di Đấng Phật, Vô Lượng Tinh Tấn Phật, các đức Phật nhiều như số cát

sông Hằng như thế đó, mỗi vị ở trong nước mình, hiện tướng lưỡi rộng dài, che khắp tam thiên đại thiên thế giới, nói lời thành thật: “Chúng sanh các người hãy nên tin kinh Khen Ngợi Công Đức Chăng Thể Nghĩ Bàn Được Hết Thủy Chư Phật Hộ Niệm này”).

(Chánh kinh: Trong các thế giới ở phương Tây có Vô Lượng Thọ Phật, Vô Lượng Tướng Phật, Vô Lượng Trang Phật, Đại Quang Phật, Đại Minh Phật, Bảo Tướng Phật, Tịnh Quang Phật, các đức Phật nhiều như số cát sông Hằng như thế đó, mỗi vị ở trong nước mình, hiện tướng lưỡi rộng dài, che khắp tam thiên đại thiên thế giới, nói lời thành thật: “Chúng sanh các người hãy nên tin kinh Khen Ngợi Công Đức Chăng Thể Nghĩ Bàn Được Hết Thủy Chư Phật Hộ Niệm này”).

Giải: Vô Lượng Thọ Phật cùng tên với A Di Đà Phật. Trong mười phương, tại mỗi phương có vô lượng chư Phật mang cùng tên. Nhưng dù cho Vô Lượng Thọ Phật chính là đạo sư A Di Đà Phật thì cũng vẫn được. Vì độ chúng sanh nên khen ngợi lời Thích Ca Như Lai đã nói cũng đâu có trở ngại gì).

(**Chánh kinh:** Trong các thế giới ở phương Bắc có Diệm Kiên Phật, Tối Thắng Âm Phật, Nan Trử Phật, Nhật Sanh Phật, Vãng Minh Phật, các đức Phật nhiều như số cát sông Hằng như thế đó, mỗi vị ở trong nước mình, hiện tướng lưới rộng dài, che khắp tam thiên đại thiên thế giới, nói lời thành thật: “Chúng sanh các người hãy nên tin kính Khen Ngợi Công Đức Chẳng Thế Nghĩ Bàn Được Hết Thủy Chư Phật Hộ Niệm này”).

(Chánh kinh: Trong các thế giới ở phương dưới có Sư Tử Phật, Danh Văn Phật, Danh Quang Phật, Đạt Ma Phật, Pháp Tràng Phật, Trì Pháp Phật, các đức Phật nhiều như số cát sông Hằng như thế đó, mỗi vị ở trong nước mình, hiện tướng lưỡi rộng dài, che khắp tam thiên đại thiên thế giới, nói lời thành thật: “Chúng sanh các người hãy nên tin kinh Khen Ngợi Công Đức Chặng Thế Nghĩ Bàn Được Hết Thủy Chư Phật Hộ Niệm này”.

Giải: Phía dưới thủy luân, kim luân và phong luân¹³ của thế giới này lại có các

¹³ Theo luận Câu Xá, tầng thấp nhất của một thế giới gọi là Phong Luân (Vāyu mandala), tức là một tầng không khí. Phía dưới tầng Phong Luân ấy gọi là Không Luân (Ākāśa-mandala, tức hư không). Phong Luân dày mười sáu ức do-tuần, kiên cố như kim cương. Trên Phong Luân có Thủy Luân (Jala-mandala) gồm toàn nước, dày tám ức do-tuần. Trên Thủy Luân là Kim Luân (Kāñcana-mandala), dày ba ức hai vạn do-tuần, do chất kim cương kết thành hình tròn xoe như bánh xe. Phía trên Kim Luân là chín rặng núi lần lượt vây quanh nhau, gần như những vòng tròn đồng tâm, tính từ trong ra ngoài là Tu Di (Sumeru), Du Càn Đà La (Yugandhara), Y Sa Đà La (Isadhara), Khư Đề La (Khadiraka), Tô Đạt Lê Xá Na (Sudarśana), An Tháp Phục Kiệt Noa (Aśvakarna), Tỳ Na Đà La (Vinadhara), Ni Dân Đà La (Nimindhara), Chưóc Ca La (Cakravāda, Thiết Vy sơn) và tám cái biển lớn (tám cái biển chứa toàn nước thơm, nên gọi là Hương Thủy Hải. Mỗi biển nằm giữa các rặng núi, từ ngoài vào trong có chín vòng núi nên có tám biển Hương Thủy), vây quanh đại địa. Tầng này gọi là Địa Luân (Prthivī-mandala).

cõi trời như Phi Phi Tướng v.v... của thế giới ở phương dưới, cho đến trùng trùng vô tận. Đạt Ma được cõi này dịch là Pháp).

(Chánh kinh: Trong các thế giới ở phương trên có Phạm Âm Phật, Tú Vương Phật, Hương Thượng Phật, Hương Quang Phật, Đại Diệm Kiên Phật, Tap Sắc Bảo Hoa Nghiêm Thân Phật, Sa La Thụ Vương Phật, Bảo Hoa Đức Phật, Kiến Nhất Thiết Nghĩa Phật, Như Tu Di Sơn Phật, các đức Phật nhiều như số cát sông Hằng như thế đó, mỗi vị ở trong nước mình, hiện tướng lưỡi rộng dài, che khắp tam thiên đại thiên thế giới, nói lời thành thật: “Chúng sanh các người hãy nên tin kính Khen Ngợi Công Đức Chăng Thế Nghĩ Bàn Được Hết Thủy Chư Phật Hộ Niệm này”).

(Giải: Trên trời Phi Phi Tướng của cõi này, lại có phong luân, kim luân và tam giới v.v... của cõi trên, trùng trùng vô tận.

Hỏi: Trong các phương ất có Tịnh Độ, có gì phải riêng khen ngợi Tây Phương?

Đáp: Đây cũng chẳng phải là lời hỏi đúng lý! Giả sử khen ngợi cõi A Súc Phật thì ông lại nghi vì sao riêng khen ngợi Đông phương? Quán quanh đũa bốn như thế đó!

Hỏi: Sao không nghĩ niệm trọn khắp pháp giới?

Đáp: Là do có ba nghĩa: Nhằm làm cho hàng sơ cơ dễ biết chỗ để chú tâm, do A Di Đà Phật có bốn nguyện thù thắng, do Phật đặc biệt có duyên với chúng sanh cõi này. Ấy là vì Phật hóa độ chúng sanh, chúng sanh tiếp nhận sự giáo hóa, trong ấy có [tình trạng] khó - dễ, cạn - sâu, nói chung là do duyên. Duyên đã có, ân đức rộng sâu, đủ mọi cách dạy bảo,

khởi gọi thì sẽ có thể làm cho [chúng sanh] vui vẻ tin tưởng, chứng nhập, có thể dứt động chùng tử từ trong quá khứ, có thể làm cho ma khó thể gây chướng ngại, ngăn trở, có thể làm cho thể tánh khai phát. Chư Phật vốn từ Pháp Thân mà thị hiện hình tích, tạo duyên sâu chắc với chúng sanh. Dù là [so với] pháp thế gian hay xuất thế gian, [pháp môn này] luôn luôn là chẳng thể nghĩ bàn, nên nó được tôn trọng nhất trong các giáo pháp và tam thừa Phật pháp, được tuyên dương trong các hội [giảng kinh rộng lớn như] biển cả [của chư Phật], thâm sâu trong biển khổ, từ bi khéo hợp với Tịch Quang. Do vậy, các bậc vạn đức (chư Phật) đều kính trọng, tuân giữ, các sanh linh đều ngưỡng mộ tuân hành đến tột bậc. Hãy nên biết rằng: Phật chủng (hạt giống thành Phật) từ duyên mà khởi, duyên chính là pháp giới. Niệm một tức là niệm hết thấy, sanh về

một là sanh về hết thấy, một hương, một hoa, một tiếng, một sắc, cho đến chấp nhận [kẻ có tội đối trước Phật] sám hối, thọ ký, xoa đầu, duỗi tay, mười phương ba đời không gì chẳng dung hội trọn khắp. Vì thế, tăng thượng duyên nhân gọi là “pháp giới duyên khởi”. Đây chính là “duyên trọn khắp pháp giới” vậy. Người thuộc địa vị cạn sẽ quyết chí chuyên cầu, mà người ở địa vị sâu cũng chẳng cần phải bỏ Tây Phương để riêng cầu Hoa Tạng. Nếu bảo Tây Phương là Quyền, Hoa Tạng là Thật, Tây Phương là Tiểu Thừa, Hoa Tạng là Đại Thừa, tức là hoàn toàn rơi vào tình thức Biến Kế Chấp của chúng sanh, bởi chẳng thấu hiểu Quyền và Thật cùng một Thể, Tiểu Thừa và Đại Thừa chẳng có tánh vậy).

(**Chánh kinh:** Này Xá Lợi Phát! Ý ông nghĩ sao? Vì sao gọi kinh này có tên là

*“kinh được hết thấy chư Phật hộ niệm”?
Này Xá Lợi Phất! Nếu có thiện nam tử,
thiện nữ nhân nghe kinh này mà thọ trì
cùng nghe danh hiệu của chư Phật thì các
thiện nam tử, thiện nữ nhân ấy đều được
hết thấy chư Phật hộ niệm, đều chẳng
thoái chuyển nơi Vô Thượng Chánh Đẳng
Chánh Giác. Vì thế, Xá Lợi Phất! Các ông
hãy nên tin nhận lời ta và lời chư Phật
nói).*

*(Giải: Một mình kinh này giảng về tâm
yếu vô thượng, danh hiệu của chư Phật và
giảng giải vạn đức rốt ráo viên mãn vô
thượng. Vì thế, người nghe đều được chư
Phật hộ niệm. Lại nữa, nghe kinh, thọ trì,
tức là chấp trì danh hiệu, vì danh hiệu A
Di Đà được chư Phật hộ niệm).*

(Giải: Hỏi: Chỉ nghe danh hiệu chư Phật, nhưng chưa trì kinh thì cũng được hộ niệm bất thoái ư?

Đáp: Điều này có nghĩa hạn cuộc và nghĩa phổ biến. Kinh Chiêm Sát dạy: “Tâm như tạp loạn, tuy tụng niệm danh hiệu ta, vẫn chẳng thể coi là ‘nghe’, vì chẳng thể sanh lòng tin hiệu quyết định, chỉ đạt được quả báo tốt lành trong thế gian, chẳng đạt được lợi ích sâu mầu rộng lớn. Nếu đạt được Nhất Hạnh tam-muội, sẽ thành cái tâm tu hành rộng lớn vi diệu, gọi là đạt được Tương Tự Vô Sanh Pháp Nhân, bèn được coi là đã nghe danh hiệu của mười phương Phật”. Ở đây, cũng nên hiểu giống như vậy. Vì thế, nghe rồi, phải nên chấp trì đến mức nhất tâm bất loạn thì mới là “đã nghe danh hiệu của chư Phật”, được chư Phật hộ niệm. Đây là nghĩa hạn cuộc.

Nghĩa phổ biến là chư Phật từ bi chẳng thể nghĩ bàn, công đức của danh hiệu cũng chẳng thể nghĩ bàn. Vì thế, vừa nghe danh hiệu Phật, bất luận là hữu tâm hay vô tâm, dù tin hay không, đều tạo thành cái duyên và hạt giống [thành Phật trong A Lại Da Thức]. Huống chi, Phật độ chúng sanh chẳng phân biệt là kẻ oán hay người thân, luôn luôn không mệt mỏi. Nếu nghe danh hiệu Phật, ắt Phật sẽ hộ niệm, há còn đáng nghi gì nữa ư? Nhưng theo Kim Cang Tam Luận, Bồ Tát căn cơ chín muồi, được Phật hộ niệm thì địa vị thuộc Sơ Địa trong Biệt Giáo hoặc Sơ Trụ trong Viên Giáo. Bởi lẽ, luận theo phía tự lực thì phải thuộc địa vị Đồng Sanh Tánh mới được [chư Phật] hộ niệm. Nay cậy vào tha lực, nên thuộc vào địa vị Tương Tự liền được Phật hộ niệm, cho đến từ địa vị Tương Tự trở xuống cũng đều có ý nghĩa “cùng được chư Phật hộ niệm”. Thậm chí

vừa nghe danh hiệu Phật thì đã có sức giúp cho đồng thể pháp tánh được phát khởi, cũng trở thành cái nhân xa, trọn chẳng bị lui sụt.

A Nậu Đa La cõi này dịch là Vô Thượng, Tam Miệu Tam Bồ Đề cõi này dịch là Chánh Đẳng Chánh Giác, tức là quả giác Đại Thừa vậy. “Trọn vẹn ba thứ Bất Thoái” chính là tên khác của “thành Phật ngay trong một đời”. Vì thế, đức Phật khuyên các vị như Thân Tử (Xá Lợi Phất) đều nên tin nhận. Phật Thích Ca và mười phương chư Phật cùng tuyên nói công đức nghe danh hiệu như thế, há chẳng đáng tin ư? Tiểu đoạn thứ nhất [trong phần Lưu Thông] là Khuyển Tín Lưu Thông đã xong).

4.3.1.2. Khuyển nguyện lưu thông

(Chánh kinh: Này Xá Lợi Phát! Nếu có người đã phát nguyện, đang phát nguyện, sẽ phát nguyện, muốn sanh về cõi Phật A Di Đà thì những người ấy đều đắc bất thoái chuyển nơi Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Đối với cõi ấy hoặc đã sanh, hoặc đang sanh, hoặc sẽ sanh. Vì thế Xá Lợi Phát! Các thiện nam tử, thiện nữ nhân nếu có lòng tin, hãy nên phát nguyện sanh về cõi ấy.

Giải: Đã nguyện đã sanh, nay nguyện nay sanh, sẽ nguyện sẽ sanh, nhằm tỏ rõ do tin tưởng mà phát ra lời nguyện thì lời nguyện ấy chẳng hư huyễn. Không tin sẽ chẳng thể phát nguyện. Không có nguyện, lòng tin cũng chẳng thể sanh. Vì thế nói: “Nếu có lòng tin, hãy nên phát nguyện”. Hơn nữa, nguyện là bằng khoán của lòng tin, là máu chốt của hạnh, có vai trò quan trọng nhất. Nêu ra nguyện thì tín và hạnh đều nằm trong ấy. Do vậy, Phật ân cần ba

lượt khuyên nhủ. Lại nữa, nguyện sanh về cõi ấy chính là hai môn Ưa Thích và Chán Lìa. Chán lìa Sa Bà, tương ứng với hai thứ hoằng thệ do nương theo Khổ Đế và Tập Đế mà phát ra. Ưa cầu Cực Lạc, tương ứng với hai thứ hoằng thệ do nương theo Đạo Đế và Diệt Đế mà phát ra. Vì thế, đạt được chẳng thoái chuyển nơi đại Bồ Đề đạo).

(Giải: Hỏi: Nay phát nguyện thì chỉ có thể nói là “sẽ sanh”, sao lại bảo là “nay sanh?”

Đáp: Điều này cũng có hai nghĩa:

- Một là dựa trên cùng một kỳ hạn mà bảo là “nay”. Đời này phát nguyện trì danh thì lâm chung nhất định sanh về Tịnh Độ.

- Hai là dựa theo sát-na mà gọi là “nay”. Một niệm tương ứng thì sanh vào

cõi kia trong một niệm ấy, niệm niệm tương ứng thì trong từng niệm đều sanh.

Diệu nhân, diệu quả, chẳng lìa nhất tâm. Như hai đầu cái cân, hễ đầu này chúc xuống thì đầu kia nâng lên cùng một lúc, cần gì phải đợi đến khi hết báo thân nơi Sa Bà mới sanh trong ao báu. Chỉ cần nay tín nguyện trì danh thì [nơi Cực Lạc] hoa sen rạng ngời, đài vàng hiện bóng, tức là đã không còn là người trong cõi Sa Bà nữa! Cực viên, cực đốn, khó nghĩ, khó suy, chỉ có bậc đại trí mới có thể tin tưởng chắc thật mà thôi!)

4.3.1.3. Khuyến hạnh lưu thông

(Chánh kinh: Nay Xá Lợi Phát! Như ta nay khen ngợi chư Phật có công đức chẳng thể nghĩ bàn, các vị Phật ấy cũng khen ngợi công đức chẳng thể nghĩ bàn của ta, mà nói như thế này: “Thích Ca

Mâu Ni Phật làm được chuyện rất khó, là có thể ở trong đời ác năm thứ trước là kiếp trước, kiến trước, phiền não trước, chúng sanh trước, mạng trước, đặc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, vì các chúng sanh nói pháp mà hết thấy thế gian khó tin tưởng này).

(Giải: Công đức và trí huệ của chư Phật tuy đều bình đẳng, nhưng thực hiện sự giáo hóa thì có dễ hay khó. Trong Tịnh Độ thành Bồ Đề dễ dàng, trong đời trước thì khó. Vì chúng sanh trong Tịnh Độ thuyết pháp thì dễ, vì chúng sanh đời trước thuyết pháp khó khăn. Vì chúng sanh đời trước thuyết pháp Tiệm (tu tấn dần dần) còn dễ, nói pháp Đốn sẽ khó. Vì chúng sanh đời trước nói các pháp Đốn khác còn dễ, nói Đốn pháp Tịnh Độ vượt ngang tam giới rất khó. Vì chúng sanh đời trước nói diệu quán Tịnh Độ đốn tu đốn

chứng vượt ngang tam giới đã chẳng dễ dàng, nói pháp chẳng cần đến tu chứng nhọc nhằn, chỉ trì danh hiệu, mau chóng vượt lên Bất Thoái, kỳ lạ, đặc biệt, thù thắng, nhiệm mầu, vượt khỏi suy nghĩ, phương tiện bậc nhất này càng là điều khó nhất trong những điều khó. Vì thế, mười phương chư Phật không một vị nào chẳng suy tôn đức Thích Ca của chúng ta là bậc đặc biệt dũng mãnh).

(Giải: Kiếp Trước là lúc các pháp như bản tự hội. Trong thuở Kiếp Trước, nếu chẳng có hạnh “mang theo nghiệp vượt thoát theo chiều ngang”, ắt chẳng thể độ được)

(Giải: Kiến Trước là năm thứ Lợi Sử tà kiến tăng trưởng mạnh mẽ, tức là Thân Kiến, Biên Kiến, Kiến Thủ Kiến, Giới Thủ Kiến, và các tà kiến. Tối tăm, chìm đắm,

nên gọi là Trược. Trong thời Kiến Trược, nếu chẳng cậy vào hạnh phương tiện, ắt chẳng thể độ được).

(**Giải:** Phiền Nã Trược là năm thứ Độn Sử phiền nã mê hoặc tăng trưởng mạnh mẽ, tức là tham, sân, si, mạn, nghi gây phiền nã, rối loạn, nên gọi là Trược. Trong thuở Phiền Nã Trược, nếu không dùng hạnh “tâm phàm chính là tâm Phật”, ắt chẳng thể độ được).

(**Giải:** Chúng Sanh Trược là do Kiến Hoặc, cảm vờ Ngũ Ấm thô tế hòa hợp, giả gọi là chúng sanh. Sắc lẫn tâm đều thô lậu, hèn kém, nên gọi là Trược. Trong thuở Chúng Sanh Trược, nếu không do hạnh Ưa Thích và Chán Lìa, ắt chẳng thể độ được).

(**Giải:** Mạng Trược là nhân và quả đều kém cõi, tuổi thọ ngắn ngủi, thậm chí chẳng đầy trăm tuổi, nên gọi là Trược. Trong thuở Mạng Trược, mà chẳng dùng hạnh “chẳng tốn kiếp số, chẳng cần phải nhọc nhằn tu tập”, ắt chẳng thể độ được).

(**Giải:** Lại nữa, chỉ dùng tín nguyện này để trang nghiêm, niệm một tiếng A Di Đà Phật, sẽ chuyển Kiếp Trược thành hải hội thanh tịnh, chuyển Kiến Trược thành vô lượng quang, chuyển Phiền Nã Trược thành Thường Tịch Quang, chuyển Chúng Sanh Trược thành hóa sanh trong hoa sen, chuyển Mạng Trược thành vô lượng thọ. Vì thế, một câu A Di Đà Phật chính là pháp mà đức Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật đã dùng để đắc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác trong đời ác ngũ trược. Nay Ngài đem toàn thể sự giác ngộ nơi Phật quả truyền cho chúng sanh trong đời

trước ác. Đây chính là cảnh giới thực hành của chư Phật, chỉ có Phật với Phật mới hòng thấu suốt cùng tận, chứ chúng sanh trong chín pháp giới cậy vào tự lực sẽ chẳng thể tin hiểu được. Chữ “chư chúng sanh” chỉ riêng những kẻ ác trong đời ngũ trước. Chữ “nhất thiết thế gian” chỉ chung thế giới vật chất trong bốn cõi và hữu tình chúng sanh trong chín pháp giới).

(Giải: Đoạn Khuyến Tín Lưu Thông trong phần trước là lời dặn bảo của chư Phật. Trong đoạn này là đức Bốn Sư dặn bảo. Trong lời dặn bảo riêng này, chỉ nói đại lược, nhưng ý nghĩa vẫn giống như trong phần dặn bảo chung [của mười phương chư Phật]. Trong phần trước, chư Phật đã nói “chúng sanh các người”, cho nên biết Văn Thù, Ca Diếp v.v... đều thuộc

trong số những người được đức Phật căn dặn).

(Chánh kinh: *Này Xá Lợi Phật! Hãy nên biết: Ta ở trong đời ác ngũ trược, làm chuyện khó khăn này, đấng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, vì hết thấy thế gian, nói pháp khó tin này, thật là rất khó).*

(Giải: *Một hạnh tín nguyện trì danh, chẳng xen lẫn những hạnh nghiệp nào khác, chuyên biến trọn vẹn ngũ trược, chỉ có tin mới hòng chứng nhập, là cảnh giới chẳng thể do nghĩ bàn mà hòng thấu hiểu được. Nếu đức Bốn Sư chẳng vào trong đời ác, thị hiện chứng đấng Bồ Đề, do đại trí, đại bi, thấy điều này, hành pháp này, giảng pháp này, chúng sanh sẽ do đâu mà nhận lãnh được pháp này vậy thay? Nhưng chúng ta sống trong Kiếp Trược, quyết định bị thời đại vây bủa, bị khổ não*

bức bách. Sống trong Kiến Trược, chắc chắn bị tà trí trói buộc, bị tà sư mê hoặc. Sống trong Phiền Nã Trược, chắc chắn bị tham dục vây hãm, bị ác nghiệp cắn rứt. Sống trong Chúng Sanh Trược, chắc chắn ở yên trong cảnh hôi nhơ mà chẳng thấu hiểu, cam lòng kém hèn, chẳng thể phấn chấn mạnh mẽ tiến lên. Ở trong Mạng Trược, chắc chắn bị vô thường nuốt mất, [mạng người ngắn ngủi] như tia lửa xẹt do đập vào đá, như ánh chớp, trở tay chẳng kịp. Nếu chẳng biết sâu xa [thoát ly Ngũ Trược] là cực khó, ắt sẽ ngỡ còn có một pháp nào khác để thoát khỏi Ngũ Trược, cứ hý luận rồi bời trong ngôi nhà lửa cháy bùng bùng. Chỉ có hiểu sâu xa [thoát ly Ngũ Trược] là rất khó thì mới chịu chết sạch tâm lòng mong ngóng so đo, quý báu một hạnh này. Đây chính là lý do vì sao đức Bốn Sư cạn hết lời, bảo pháp này rất khó, lại còn tha thiết dặn dò

chúng ta phải nên thấu hiểu. [Đoạn lớn] thứ nhất [trong phần Lưu Thông] là Phổ Khuyến hết).

4.3.2. Kết khuyến

(**Chánh kinh:** Đức Phật nói kinh này xong, ngài Xá Lợi Phất và các vị tỳ-kheo, hết thấy thế gian, trời, người, A Tu La v.v... nghe lời Phật dạy, hoan hỷ tin nhận, làm lễ, lui ra.

Giải: Pháp môn chẳng thể nghĩ bàn, khó tin, khó biết, không một ai có thể nêu câu hỏi. Đức Phật dùng trí huệ xét soi căn cơ, biết duyên thành Phật của chúng sanh đã chín, bèn không ai hỏi tự nói, khiến cho mọi người được bốn thứ lợi ích, giống như trận mưa đúng thời khiến cho muôn loài tăng trưởng. Vì thế, [đại chúng] “hoan hỷ tín thọ” (hoan hỷ tin nhận).

Thân tâm vui sướng gọi là “hoan hỷ”. Chẳng nghi ngờ mảy may, gọi là “tín”. Lãn nhận chẳng quên mất, gọi là “thọ” (nhận). Cảm kích ân đức lớn lao, gieo toàn thân quy mạng, gọi là “tác lễ”. Vâng theo lời dạy tu trì, thẳng tiến chẳng lui sụt, gọi là “nhi khứ”).

Phụ lục - Ngẫu Ích đại sư bạt Lời bạt của Ngẫu Ích đại sư

Kinh dạy: “Trong đời Mạt Pháp, ực ực người tu hành, hiếm có một ai đắc đạo, chỉ có nương vào pháp Niệm Phật thì mới đắc độ”. Than ôi! Nay đúng nhằm thời ấy vậy. Bỏ pháp môn chẳng thể nghĩ bàn này, thì còn cậy vào đâu để giải thoát cho được? Húc tôi lúc xuất gia, tự phụ là người thuộc Thiên Tông, coi thường những kinh điển thuộc Giáo môn, nói xằng “phép trì danh là pháp quyền biến

nhằm phù hợp căn tánh của những kẻ trung căn và hạ căn”. Về sau, do bệnh ngặt nghèo, mới phát tâm quy Tây. Lại nghiên cứu hai bộ Viên Trung Sao và Diệu Tông Sao, và sách Sớ Sao của ngài Vân Thê, mới biết Niệm Phật tam-muội quả thật là vua báu vô thượng, mới chịu chết sạch tâm lòng mong ngóng, so đo, chấp trì danh hiệu, một vạn con trâu cũng không lôi lại được. Bọn tôi là ông Khử Bệnh, tu Tịnh nghiệp đã lâu, muốn cho tông chỉ của kinh này nêu tỏ rạng ngời mà lời lẽ giảng giải đơn giản, xin tôi viết lời giải thích những điểm trọng yếu. Tôi muốn làm cho hữu tình trong khắp pháp giới đều cùng sanh về Cực Lạc, xét theo lý chẳng thể chối từ được, bèn cầm bút viết từ ngày Hai Mươi Bảy tháng Chín năm Đinh Hợi (1647), đến ngày mùng Năm tháng Mười là hoàn thành, tổng cộng viết xong trong chín ngày. Kính mong mỗi một

câu, mỗi một chữ đều là tư lương [cho người tu Tịnh nghiệp]. Ai thấy, ai nghe cũng đều đạt lên Bất Thoái. Người tin tưởng hay nghi ngờ, kẻ khen ngợi hay hủy báng đều cùng về giải thoát. Ngưỡng mong chư Phật, Bồ Tát nhiếp thọ, chứng minh, các bạn đồng học tùy hỷ gia bị.

Tây Hữu đạo nhân Ngẫu Ích Trí Húc gác bút.

(Đề lời bạt này vào năm bốn mươi chín tuổi).

Phật Thuyết A Di Đà Kinh Yếu Giải

(Hoàn thành thảo bản ngày 22 tháng 09
năm 2010

Giáo duyệt lần hai ngày 30 tháng 8 năm
2011)

Hồi Hương

Nếu việc chuyên ngữ này có chút công đức nào đều xin hồi hướng cho cha mẹ hiện tiền và quá vãng, sư trưởng, Bôn Sư Thượng Tọa Thích Giải Thắng (trụ trì Bửu Quang Tự, quận 7, Sài Gòn), lịch đại tổ tiên, cừu gia oán đối nhiều đời nhiều kiếp, các liên hữu cùng hết thảy hữu tình hàm thức trong mười phương pháp giới đều cùng vãng sanh Cực Lạc quốc. Xin đặc biệt trân trọng hồi hướng công đức này đến các liên hữu Vạn Từ, Minh Tiến, Huệ Trang, Đức Phong và Chơn Phù đã tốn không ít thời gian và công sức giáo dục, sửa chữa bản dịch Trong quá trình chuyên ngữ, do kiến thức nông cạn, hiểu biết nội điển kém cỏi, tâm trí si ám, nghiệp chướng trùng trùng chắc chắn sẽ phạm rất nhiều lỗi sai lầm không thể chấp nhận được, ngưỡng xin Tam Bảo từ bi gia hộ khiến cho chúng đệ tử tội chướng tiêu

trừ, không đến nỗi đọa lạc, không đến nỗi
biến diệu được cam lộ thành độc dược.

Bửu Quang Tự đệ tử Như Hòa đê đầu
hòa-nam kính bạch